

Bộ lao động thương binh và xã hội
Cục quản lý lao động ngoài nước

Những kiến thức cần thiết
Dùng cho người lao động việt nam
đi làm việc tại Malaysia

Hà nội - 2010

Lời giới thiệu

Malaysia là một Quốc gia ở Đông Nam á giàu bản sắc văn hoá, một đất nước đang nỗ lực không ngừng để phát triển phồn thịnh và bền vững.

Cùng là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam á (ASEAN), Việt Nam và Malaysia đang có những quan hệ hợp tác trên nhiều mặt, trong đó hợp tác về lao động là một trong nhiều nội dung hợp tác mà hai nước rất quan tâm.

Malaysia cách chúng ta không xa về địa lý, song lại có sự khác nhau nhất định về phong tục tập quán và ngôn ngữ giao tiếp. Đó chính là rào cản lớn nhất đối với người lao động Việt Nam để hoà nhập vào môi trường lao động và đời sống xã hội khi sang làm việc ở Malaysia.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả của các khoá bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho lao động trước khi sang làm việc tại Malaysia, Cục Quản lý lao động ngoài nước (DOLAB) biên soạn và phát hành cuốn “Tài liệu bồi dưỡng kiến thức cần thiết” này. Cuốn tài liệu sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản và rất cần thiết đối với người lao động Việt Nam được tuyển chọn đi làm việc ở Malaysia, nó cung cấp những thông tin đầy đủ và chính xác về nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động Việt Nam khi đi làm việc ở Malaysia theo thoả thuận giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Malaysia; ngoài ra còn trang bị cho người lao động những hiểu biết cần thiết về đất nước, con người, luật pháp và văn

hoá giao tiếp của Malaysia để giúp cho người lao động Việt Nam có thể hoà nhập thuận lợi vào cuộc sống sinh hoạt và làm việc ở Malaysia .

Chúng tôi tin tưởng rằng cuốn tài liệu này sẽ rất hữu ích đối với người lao động khi tham gia khoá đào tạo – giáo dục định hướng để có thể đáp ứng được chất lượng theo quy định của phía Malaysia.

Các ý kiến đóng góp về cuốn tài liệu này xin gửi về Cục Quản lý lao động ngoài nước - địa chỉ : 41B Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ./.

Cục quản lý lao động ngoài nước

Phần một

Truyền thống, bản sắc văn hoá của dân tộc

Trên con đường đổi mới, đất nước đang từng bước hội nhập với khu vực và thế giới, vượt qua lạc hậu, đói nghèo, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đã được Đảng và Nhà nước ta chú trọng và coi đây là một giải pháp kinh tế – xã hội lâu dài góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao trình độ nghề nghiệp, tác phong làm việc tiên tiến cho người lao động.

Ra nước ngoài làm việc, người lao động không chỉ có điều kiện mở rộng tầm nhìn, mở rộng giao lưu quốc tế, được hoà nhập và hiểu biết

nền văn hoá của các dân tộc khác mà còn là cơ hội để giới thiệu và quảng bá bản sắc văn hoá dân tộc

Việt Nam. Khi sống và làm việc ở nước ngoài, mỗi chúng ta còn có bốn phận thực hiện tốt vai trò ngoại giao nhân dân. Vì vậy phải biết kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức, tập quán tốt đẹp và lòng tự hào dân tộc; tiếp thu tinh hoa của các dân tộc trên thế giới góp phần làm giàu đẹp thêm nền văn hoá Việt Nam.

1. Truyền thống dân tộc

Là người Việt Nam chúng ta có quyền tự hào với các truyền thống dựng nước và giữ nước đã được hình thành, phát triển qua nhiều thế hệ, đó là:

a. Truyền thống yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc: Dường như trong mỗi người Việt Nam đều tiềm ẩn lòng yêu nước, lòng tự tôn, tự cường dân tộc, lòng nhân ái bao dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, cần cù sáng tạo....Tất cả đã kết tinh thành sức mạnh và in đậm dấu ấn độc đáo của cộng đồng người Việt trên toàn thế giới.

b. Truyền thống uống nước nhớ nguồn, đoàn kết tương thân, tương ái cứu mang, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau luôn là nét đẹp truyền thống trong đời sống của nhân dân ta, giàu lòng nhân ái, thương người như thể thương thân là bản chất tốt đẹp của người Việt Nam ta, được thể hiện qua những câu ca dao lưu truyền từ đời này sang đời khác:

Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng

Hay:

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn
Đây là truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc ta, chính nhờ đó mà chúng ta có sức mạnh để chiến thắng mọi kẻ thù, chung tay xây dựng đất nước ta ngày càng to đẹp, đàng hoàng hơn.

Ra nước ngoài làm việc, người lao động luôn hướng về Tổ Quốc, có trách nhiệm với cộng đồng,

cùng vui với những niềm vui của Đất nước, cùng san sẻ với những nỗi đau, mất mát của những người dân kém may mắn hay do thiên tai gây ra. Sống nhân nghĩa, thủy chung, vị tha, kính trên nhường dưới, thân thiện với bạn bè đồng nghiệp, sẵn sàng giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống và trong công việc là nét đặc trưng của người dân Việt.

c. Truyền thống cần cù, sáng tạo thể hiện ở sự chăm chỉ, thông minh trong lao động, làm việc với năng suất cao, chất lượng tốt.

d. Truyền thống hiếu học thể hiện sự ham học hỏi những cái mới, cái tốt trong cuộc sống và trong lao động, tiếp thu được những công nghệ mới, những kinh nghiệm tiên tiến để áp dụng vào trong thực tiễn của mình.

2. Bản sắc văn hoá của dân tộc

Bản sắc văn hoá dân tộc thể hiện linh hồn, đạo đức, lối sống của người Việt, nó sẽ tiếp nhận

những giá trị ưu tú của dân tộc khác và sàng lọc những gì không phù hợp.

Bản sắc văn hoá dân tộc là những vấn đề nòng cốt nhất, nền tảng nhất để làm nên những nét riêng của cộng đồng dân tộc này so với cộng đồng dân tộc khác. Nó có tính ổn định vì phải trải qua quá trình đúc kết, tích lũy, sàng lọc lâu dài. Bản sắc văn hóa dân tộc thể hiện tâm thức con người Việt Nam qua lễ sống, lòng yêu nước, ý chí độc lập tự cường... Bộc lộ được tính cách con người Việt Nam qua cách sống tương thân tương ái. tính cần cù sáng tạo trong lao động, yêu nghệ thuật, giản dị, tế nhị trong ứng xử.

Trong quá trình phát triển, văn hoá Việt Nam đã hội nhập tiếp thu tinh hoa văn hoá các dân tộc khác trên toàn thế giới, làm giàu cho nền văn hoá của dân tộc mình.

3. Vị trí và trách nhiệm của người lao động khi làm việc ở nước ngoài

Người lao động Việt Nam sống và làm việc ở nước ngoài là những sứ giả giới thiệu và quảng bá nền văn hoá của dân tộc mình với các dân tộc khác, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hoá của các dân tộc khác trên thế giới để làm giàu cho nền văn hoá của dân tộc Việt Nam. Dù sống ở đâu và làm bất cứ công việc nào chúng ta cũng phải nhận thức sâu sắc được vinh dự và trách nhiệm này để luôn phấn đấu hoàn thiện mình, trau dồi bản lĩnh tự tin, tự trọng để góp phần tôn vinh dân tộc Việt Nam, kiên quyết tránh những việc xấu làm tổn hại đến danh dự của đất nước ta, dân tộc ta.

Là người làm công ăn lương được pháp luật nước sở tại bảo hộ, mỗi chúng ta phải tuân thủ Pháp luật nước sở tại, chấp hành nội quy, kỷ luật

lao động, tuân thủ quy định của người sử dụng lao động;

Có ý thức học hỏi nâng cao trình độ tay nghề, ngoại ngữ, rèn luyện tác phong làm việc công nghiệp hiện đại, tiên tiến; tác phong sinh hoạt văn minh, lịch sự; phấn đấu để tự bảo vệ quyền lợi chính đáng của bản thân;

Quan hệ ứng xử đúng mực với chủ sử dụng, với đồng nghiệp, với cộng đồng và người dân nước sở tại.

Phần hai

Đất nước, con người, văn hoá Phong tục, tập quán, Malaysia

I. Đất nước và con người Malaysia

1. Vị trí địa lý của Malaysia

Malaysia nằm ở Trung tâm Đông Nam á, giữa vĩ độ 1 và 7 Bắc bán cầu; trong khoảng 100 đến 119 độ kinh tuyến đông, tạo thành hình lưới liềm. Diện tích của Malaysia khoảng 329.733 km² bao gồm hai vùng:

Bán đảo Mã Lai có diện tích 131,573 km², phía Bắc giáp Thái Lan, phía Nam giáp Singapo;

Malaysia hải đảo, gồm hai bang Sabah và Sarawak có diện tích 73.711 km² và 124.449 km² nằm ở phía Bắc đảo Borneo, phía Nam giáp Calimantan.

Hai vùng cách nhau 750 km qua biển Đông. Malaysia có 4.675 km đường bờ biển trải từ biển Đông sang Ấn Độ Dương.

Thủ đô của Malaysia là Kuala Lumpur.

2. Khí hậu, thời tiết

Malaysia có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng và có độ ẩm cao 80%, lượng mưa trung bình trong năm vào khoảng từ 2.032 mm đến 2.540 mm, nhiệt độ trung bình trong ngày từ 21⁰C – 32⁰C; vùng núi cao nhiệt độ cao nhất là 26⁰C, nhiệt độ thấp nhất là 2⁰C; chịu ảnh hưởng qua lại của gió mùa Tây Nam bắt nguồn từ Ấn Độ Dương và gió mùa Đông Bắc từ biển Đông (biển Nam Trung Hoa). Khí hậu được chia thành hai mùa rõ rệt: gió mùa Tây Nam từ giữa tháng 5 đến tháng 9, gió mùa Đông Bắc từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau.

Khí hậu nhiệt đới đã đem lại cho Malaysia một hệ thống động, thực vật rất phong phú. 70% diện tích lãnh thổ là rừng nhiệt đới với khoảng 15.000 loài, trong đó có 6.000 loài thân cây cứng. Động vật có những loài tiêu biểu như gấu Mã Lai, tê giác hai sừng, ngoài ra còn có nhiều loài khác như voi, trăn, rắn... và gần 500 loại chim muông.

3. Dân số

Năm 2006, Malaysia có dân số khoảng 26 triệu người, trong đó người Malai chiếm 59%, người Hoa chiếm 24%, người Ấn Độ chiếm 8%, khoảng 8,2% còn lại là các dân tộc khác như người Orang Asli ở bán đảo Mã Lai, thổ dân vùng Sabah, Sarawak và người Châu Âu. Dân cư tập trung đông tại bờ Tây bán đảo Mã Lai, nơi có nhiều thành phố lớn và khu công nghiệp. Khoảng 58,8% dân số Malaysia sinh sống tại các khu đô thị. Dân cư Malaysia phân bố không đều, vùng Sabah và Sarawak chỉ chiếm khoảng 23% tổng số dân, trong khi diện tích vùng này chiếm gần 60%.

Người Mã Lai chủ yếu làm nghề nông, sống quần tụ theo làng xóm nằm dọc theo các con sông và vùng duyên hải.

Người Hoa sinh sống chủ yếu ở phía Tây, phía Nam bán đảo Malaysia và ở các thành phố.

Cộng đồng người Ấn Độ ở Malaysia sinh sống cả ở vùng nông thôn lẫn thành thị, nhưng tập trung chính là ở vùng bờ biển phía Tây bán đảo Mã Lai, nơi có nhiều đồn điền cao su. Người Ấn Độ hầu như không có mặt ở bắc Calimantan, trong khi người Hoa hiện diện ở khắp mọi nơi.

Malaysia là một dân tộc trẻ: 33,9% dân số dưới 14 tuổi, 62,2% trong độ tuổi từ 15 đến 64; 3,9% còn lại trên 65 tuổi. Tỷ lệ tăng dân số là 2,4%

/năm. Tuổi thọ trung bình của nam là 69,8 tuổi, của nữ là 74,8 tuổi.

Cùng với sự phồn vinh về kinh tế, Malaysia là quốc gia đang thu hút hàng triệu lao động nước ngoài đến đây tìm việc làm. Hiện nay có khoảng hơn 2 triệu lao động nước ngoài (chủ yếu là người Indonexia) đang làm việc tại Malaysia, trong đó có 500.000 là bất hợp pháp.

4 . Tôn giáo

Malaysia là một quốc gia đa dân tộc, có nhiều tôn giáo khác nhau cùng tồn tại, sống hoà thuận nhờ chính sách tôn giáo thống nhất. Tuy nhiên, theo Hiến pháp liên bang thì Đạo Hồi là quốc đạo. Toàn bộ người Mã Lai và một bộ phận người Ấn Độ, người Trung Quốc và thổ dân Orang Asli theo đạo Hồi.

Cũng như các tín đồ Hồi giáo khác trên thế giới, người Hồi giáo Malaysia tôn trọng 5 "trụ cột" của Hồi giáo, đó là đức tin vào Thánh Allah duy nhất và Muhamad là thiên sứ của Người; thứ hai là cầu nguyện mỗi ngày 5 lần; thứ ba là trai giới trong tháng Ramadan; thứ tư là nộp thuế và cuối cùng là hành hương đến thánh địa Mecca. Hồi giáo là tôn giáo có ảnh hưởng rất sâu sắc đến đời sống cá nhân của mỗi tín đồ. Người Mã Lai từ khi ra đời cho đến

khi trở về với Thượng đế luôn luôn phải tuân theo những chỉ giáo và yêu cầu ngặt nghèo của đạo Hồi.

Phần lớn người Trung Quốc ở Malaysia theo đạo Phật và đạo Lão, cũng có người Trung Quốc và người Ấn Độ theo đạo Thiên chúa cùng với người Châu Âu. Thổ dân vùng Sabah và Sarawak thì tin vào chúa trời và tin vào thuyết vạn vật hữu linh.

5. Ngôn ngữ

Là một quốc gia đa dân tộc nên người Malaysia nói nhiều thứ tiếng khác nhau, nhưng tiếng Bahasa Malaysia (tiếng của người thổ dân Mã Lai) là ngôn ngữ chính thức. Trong cuộc sống hàng ngày, mỗi dân tộc sử dụng ngôn ngữ, phương ngữ riêng của dân tộc mình. Phương ngữ tiếng Trung Quốc chủ yếu là tiếng Quảng Đông, Phúc Kiến và Hải Nam. Tuy nhiên, tiếng Anh được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực kinh doanh, thương mại và sản xuất.

6. Chế độ chính trị

Chế độ chính trị của Malaysia khác với Việt Nam, đó là chế độ quân chủ lập hiến liên bang, mỗi bang đều có Hiến pháp và Quốc hội riêng.

Liên bang gồm 13 bang: Johor Darul Takzim,

Kedah Darul Aman, Kelantan Darul Naim, Melacca, Negeri Sembilan, Pahang Darul Makmur, Perak, Perlis, Pulau Pinang, Sabah, Sarawak, Selangor và Trengganu và 3 lãnh thổ thuộc Liên bang là các thành phố Kuala Lumpur, Putrajaya và thành phố cảng Labuan.

Hiến pháp Liên bang quy định một trong số chín Quốc vương (Sultan) của chín bang thuộc bán đảo Mã lai được bầu làm Yang Di Petuan Agong (người đứng đầu tối cao của Liên bang) theo nhiệm kỳ 5 năm. Quốc hội gồm hai Nghị viện: Thượng nghị viện gồm 70 thành viên và Hạ nghị viện gồm 192 thành viên.

Vua là người đứng đầu Nhà nước, nhưng quyền điều hành đất nước lại là Thủ tướng và Nội các. Vào cuối năm 2003, tình hình chính trị của Malaysia có những biến động do Thủ tướng Mahathia sau 22 năm cầm quyền đã nghỉ hưu, ông Badawi nguyên phó Thủ tướng đảm nhiệm chức Thủ tướng Chính phủ. Đầu tháng 1 năm 2004, ông Badawi đã chính thức bổ nhiệm Bộ trưởng Quốc phòng, ông Najib Tun Razak giữ chức Phó Thủ tướng.

7. Sự phát triển kinh tế

Nền kinh tế của Malaysia phát triển mạnh dựa chủ yếu vào các ngành sản xuất: Cao su, dầu cọ, điện tử, công nghiệp chế tạo, dầu mỏ. Malaysia nằm trong

số các nước đứng đầu thế giới về sản xuất gỗ và xuất khẩu dầu cọ, cao su.

Năm 2004, do chịu tác động mạnh của việc giá dầu lửa tăng, nền kinh tế thế giới đi xuống, Malaysia đã đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế là 6,5% và năm 2006 chỉ đạt 5,8%.

8 . Đối ngoại

Malaysia coi trọng quan hệ với các đối tác và các nước lớn. Việt Nam và Malaysia cùng là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam á, nên Việt Nam là nước có nhiều thuận lợi trong quan hệ với Malaysia. Riêng năm 2003, có rất nhiều đoàn của Việt Nam sang thăm và làm việc tại Malaysia để nghiên cứu mô hình kinh tế Malaysia. Cuối năm 2003, Việt Nam và Malaysia đã ký “Bản ghi nhớ về tuyển dụng lao động Việt Nam”. Đặc biệt đầu năm 2004 hai bên đã trao đổi các chuyến thăm cấp cao của Thủ tướng hai nước, nhằm đưa ra các biện pháp để đẩy mạnh sự hợp tác. Hiện nay, hai nước đang trao đổi để ký lại Hiệp định về hàng không, ký Bản ghi nhớ về hợp tác giáo dục. Việt Nam cũng đề nghị hai bên ký Hiệp định về phòng chống tội phạm.

9 . Xã hội

Đời sống xã hội Malaysia có những nét tương đồng với các nước Đông Nam á như: thường có 2 đến 3

thể hệ cùng sống chung một gia đình, thực phẩm chính là gạo và cá... Người Mã Lai theo đạo Hồi nên nét văn hoá có những đặc trưng riêng như: Không ăn thịt lợn và uống rượu, thường mặc lễ phục, phụ nữ không mặc hở hang.

a . Giáo dục

Ngay từ khi giành được độc lập, Chính phủ Malaysia luôn chú trọng nâng cao dân trí và mức sống cho nhân dân. Nhiều năm qua nhờ sự quan tâm và đầu tư đúng mức, nền giáo dục Malaysia đã gặt hái được những thành quả nhất định. Giáo dục đã tạo được cơ sở và nền tảng quan trọng cho sự phát triển vượt bậc của Malaysia, với 93% người biết chữ, hiện nay Malaysia là một trong những nước có tỷ lệ người biết chữ cao nhất thế giới. Chính phủ Malaysia đang tập trung xây dựng Malaysia thành trung tâm tri thức và công nghệ của khu vực.

Hệ thống đào tạo, giáo dục ở Malaysia gồm 6 năm tiểu học, 3 năm Trung học cơ sở, 3 năm Trung học phổ thông và 2 năm trước khi vào đại học. Chính phủ Malaysia cung cấp miễn phí 11 năm học cho mọi người. Bên cạnh việc giáo dục ở các nhà trường, Chính phủ còn tổ chức dịch vụ giáo dục qua hệ thống thông tin đại chúng. Ngoài ra, Bộ Giáo dục hỗ trợ các lớp học trên toàn quốc cho những người không thể tham gia các chương trình đào tạo Trung học phổ thông và Trung học cơ sở.

b . Dịch vụ y tế và phúc lợi xã hội

Cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, các dịch vụ y tế-chăm sóc sức khỏe cộng đồng, mạng lưới các cơ sở y tế đã được mở rộng trên toàn quốc. Hiện nay cứ 1.500 người dân có một bác sĩ.

Chính phủ cũng rất quan tâm đến phúc lợi xã hội như: chăm sóc trẻ em, trường giáo dưỡng cho thanh thiếu niên chưa tiến bộ, người tàn tật, người già, những người lang thang cơ nhỡ... Các dịch vụ phúc lợi của Malaysia được sự hỗ trợ của các tổ chức tình nguyện.

c . Phát thanh và truyền hình

Malaysia phát hình đen trắng từ tháng 12 năm 1963, truyền hình phát hình màu hệ PAL bắt đầu từ năm 1978. Hiện nay, Chính phủ Malaysia có hai kênh truyền hình chính là TV1 và TV2: Kênh TV1 phát bằng tiếng Bahasa Malaysia, kênh TV2 là chương trình phát bằng các thứ tiếng như tiếng Anh, tiếng Mandarin, tiếng Quảng Đông, tiếng Tamil và Hindu. Ngoài ra Malaysia còn có hai đài truyền hình tư nhân là TV3 và NTV7. TV3 là Đài truyền hình tư nhân đầu tiên của Malaysia bắt đầu phát hình từ tháng 6 năm 1984, còn đài NTV7 phát hình từ tháng 4 năm 1998.

10. Bưu chính - viễn thông

a. Viễn thông

Malaysia có hệ thống viễn thông hiện đại vào bậc nhất Đông Nam á. Hệ thống viễn thông này không

chỉ cung cấp các dịch vụ liên quan đến điện thoại, điện tín, Telex, Fax và Internet mà còn cung cấp cả thiết bị thông tin liên lạc cho các ngành phát thanh, truyền hình, hàng không nội địa, cảnh sát, hải quan và đánh bắt cá.

Việc thông tin liên lạc giữa bán đảo Mã Lai và vùng Sabah và Sarawak được thực hiện qua hệ thống vệ tinh, cáp ngầm qua biển...

b. Bưu điện

Ngành bưu điện Malaysia cung cấp đầy đủ và chu đáo các dịch vụ liên quan đến bưu điện qua hệ thống bưu cục được đặt khắp cả nước. Bưu điện có thể thay mặt cơ quan chính phủ và các cá nhân hợp pháp tiến hành các việc như: làm việc với Ngân hàng tiết kiệm quốc gia, trả tiền lương, trợ cấp, trả tiền điện nước và tiền điện thoại.

11. Giao thông vận tải

Malaysia có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không phát triển rộng khắp, nối các vùng, miền đất nước.

a. Đường bộ

Malaysia có 68.499 km đường bộ vươn tới khắp các tỉnh, thành phố. Hệ thống đường này đảm bảo cho việc đi lại, vận chuyển bằng đường bộ luôn thông suốt và tiện lợi. Đặc biệt là hệ thống đường cao tốc quốc gia chạy dọc đất nước với 4 làn xe mỗi bên. Malaysia có

khoảng 5 triệu xe máy, trên 10 triệu ô tô và hàng vạn xe ô tô có tải trọng lớn.

Hệ thống xe buýt nội thành, liên tỉnh, taxi cùng các dịch vụ cho du lịch triển khai khắp nước. Ở một số thành phố chính có các tuyến Metro buýt đến các thành phố, thị trấn nhỏ.

Với tổng chiều dài lên đến 847,7 km, các đường cao tốc Bắc Nam, đường cao tốc New Klang Valley, quốc lộ số 2 đã nối các khu công nghiệp chính của bờ Tây bán đảo Mã Lai với các trung tâm đô thị lớn của Malaysia.

b. Đường sắt

Đường sắt Malaysia phát huy tối đa tính tiện lợi và hiệu quả trong việc nối giữa các thành phố chính của bán đảo Mã Lai với nhau và với đường sắt Bangkok. Hệ thống đường sắt bờ Tây vươn dài lên phía Bắc, từ Singapo đến Gemas, Negeri Sembilan... Từ Bukit Mertajam, tàu chạy tiếp lên phía Bắc và nối vào hệ thống đường sắt quốc gia của Thái Lan tại Padang Besar.

c. Đường không

Cửa khẩu chính đến Malaysia là sân bay quốc tế Kuala Lumpur mới tại Sepang, cách thủ đô Kuala Lumpur khoảng 50 km về phía Nam. Đây là sân bay lớn nhất Đông Nam á, có hơn 40 đường bay quốc tế và các đường bay nội địa, có mạng lưới hoạt động trên toàn cầu.

Sân bay Sultan Abul, Aziz Shah tại Subang phục vụ một số đường bay nội địa và trong vùng. Những sân bay quốc tế chính khác là Penang, Kuching, Kota Kinabalu và Langkawi.

d. Đường biển

Cửa khẩu chính bằng đường biển vào Malaysia là cảng Klang, cách thủ đô Kuala Lumpur 50 km. Cũng có thể đến Malaysia từ Singapo và Thái Lan bằng đường xe lửa và đường bộ.

II. phong tục, tập quán, văn hoá giao tiếp của người Malaysia

1. Về đời sống gia đình

ở Malaysia trong gia đình thường có hai hay ba thế hệ sống trong một ngôi nhà theo kiểu đại gia đình. Tuy nhiên, cuộc sống hiện đại hoá và công nghiệp hoá đã và đang mang đến nhiều thay đổi, theo xu hướng các thế hệ không sống chung trong một ngôi nhà. Nhiều đôi vợ chồng cùng chọn lối sống gia đình nhỏ có hai vợ chồng hơn là cuộc sống truyền thống.

2. Về ẩm thực

Thói quen ăn uống thay đổi theo các nhóm tôn giáo. Vì người Mã Lai theo Hồi giáo nên họ không ăn thịt lợn và lợn bị coi là giống vật bẩn thỉu. Với thịt những gia súc khác, họ chỉ ăn khi chính tay người Hồi

giáo cắt tiết và đọc một câu kinh theo đúng cách của đạo Hồi (thực phẩm Halal).

Người Mã Lai rất thích ăn các loại bánh làm từ bột gạo, khoai, sắn và họ thường làm nhiều loại bánh để ăn, đặc biệt là trong các dịp lễ tết.

Người Mã Lai không hay ăn mỡ động vật, mà hầu như chỉ dùng dầu thực vật, chủ yếu là dầu cọ và dầu dừa.

Theo truyền thống người Mã Lai và người Ấn Độ thường ăn bốc. Người Trung Quốc khi ăn thường dùng đũa, thìa và đĩa. Người theo đạo Hindu và một số người theo đạo Phật không ăn thịt cừu.

Gạo và cá là thức ăn chính. Gia vị cũng thường được dùng nhiều trong khi nấu ăn. Các loại hoa quả của địa phương chủ yếu là dưa, chuối, đu đủ và sầu riêng... Người Malaysia thích dùng bữa trưa ở nhà hàng hoặc các chợ ngoài đường phố.

Trong các bữa tiệc chiêu đãi có người Hồi giáo không được dùng rượu, bia mà chỉ có nước hoa quả, chè, cà phê. Không nên có các món ăn được chế biến từ thịt lợn hoặc liên quan đến thịt lợn. Tuyệt đối không dùng món lợn sữa, nên dùng các món ăn như thịt gà, thịt bò, thủy hải sản, rau củ quả và bánh ngọt ..

3. Một số tục lệ của người Malaysia

Người có địa vị cao trong xã hội được tôn trọng trong gia đình. Khi có khách đến nhà, người đàn ông

cao tuổi nhất trong gia đình Malaysia sẽ là người ra chào khách đầu tiên và thường ngồi ở vị trí tốt nhất hoặc cao nhất.

Ngón tay trở phải không được dùng để chỉ vào địa điểm, đồ vật hay con người, thay vào đó ngón tay cái phải đưa ra và bốn ngón khác nắm lại được sử dụng để ám chỉ những việc trên. Ngoài ra, người Malaysia còn sử dụng toàn bộ tay để chỉ phương hướng nhưng không dùng để chỉ người.

Đến những nơi thờ phụng, cúng lễ như nhà thờ Hồi giáo và đền thờ phải bỏ giày ở ngoài; một số đền thờ Hồi giáo đưa áo choàng hoặc khăn trùm đầu cho phụ nữ khi vào những nơi này.

Cho phép chụp ảnh tại các nơi thờ cúng nhưng phải xin phép trước.

Là một xứ khí hậu nhiệt đới quanh năm nên trang phục thoải mái, thích hợp với khí hậu. Tuy nhiên, Malaysia là nước chủ yếu theo đạo Hồi nên ăn mặc kín đáo là điều nên lưu ý, phụ nữ không nên mặc đồ hở hang quá. Không nên mặc đồ nhiều hình thù để gây cảm giác mình là người Hippie.

Trong những dịp quan trọng và những bữa tiệc tối nên mặc đồ lịch sự. Đàn ông mặc comple và thắt ca vát hoặc mặc sơ mi batik truyền thống của Malaysia. Phụ nữ có thể mặc váy dạ hội hoặc váy dài.

4. Những ngày nghỉ và ngày lễ

Có nhiều ngày nghỉ trong năm ở Malaysia: Tết dương lịch ngày mừng 1 tháng 1 hàng năm; Ngày Awal Muharam/ Maal Hijrah của người Đạo Hồi (thường vào tháng 01); Nghỉ tết âm lịch của người Hoa trong tháng 2 (2 ngày mừng 1 và 2 âm lịch. Các ngày nghỉ Tết này giống như tết Nguyên đán ở Việt Nam); Nghỉ lễ ngày sinh của nhà Tiên tri Mohamad của người Đạo Hồi vào cuối tháng 3; Nghỉ lễ ngày lao động 01 tháng 5; Nghỉ lễ ngày sinh nhật Vua Malaysia (Vua được bầu luân phiên nên ngày sinh nhật Vua thay đổi); Nghỉ lễ ngày độc lập 31 tháng 8; Nghỉ lễ tết Hari-Raya sau khi kết thúc tháng Ramadan (2 ngày mừng 1 và 2 lịch Đạo Hồi); Nghỉ lễ tết Deepavali của người Ấn Độ (thường vào giữa tháng 10 hoặc 11); Nghỉ lễ giáng sinh 25/ 12.

Đối với người Hồi giáo Malaysia, các ngày lễ Hồi giáo có một ý nghĩa rất lớn. Vào tháng Ramadan, người Malaysia theo đạo Hồi có tục lệ nhịn ăn từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn. Đặc biệt là lễ mãn chay (Hari Raya Puasa) được tổ chức vào cuối tháng Ramadan, tháng trai giới. Trong dịp lễ này, người Hồi giáo chuẩn bị nhiều món ăn đặc biệt, đi thăm mộ của người nhà quá cố, xin tha thứ những lỗi lầm đã mắc trong năm và đi thăm hỏi bạn bè, mọi người tổ chức lễ hội lớn kết thúc tháng nhịn ăn. Các cơ quan Chính phủ thường đóng cửa trong suốt tháng Ramadan. Tháng Ramadan thay đổi hàng năm tùy theo tuần trăng. Những người không theo đạo Hồi nên tôn trọng những người theo đạo bằng cách không ăn hoặc không uống khi có mặt họ trong suốt tháng Ramadan này. Ngày hội

hành hương (Hari Raya Haji) trùng với mùa hành hương đến Thánh địa Mecca cũng được người Hồi giáo Malaysia tổ chức long trọng với cùng phương thức như ngày lễ mãn chay. Hàng năm người Hồi giáo Malaysia tổ chức kỷ niệm ngày sinh của đấng tiên tri Mohammad (Maulud Nabi). Trong ngày lễ này, các tín đồ Hồi giáo tập trung ở Thánh đường để đọc kinh cầu nguyện.

5. Một số điều cần lưu ý

Người Malaysia thường đến cuộc hẹn muộn, nhưng lại yêu cầu đối tác của mình phải đến đúng giờ. Những cuộc hẹn có thể gặp tại khách sạn hoặc cơ quan, thường được diễn ra vào các buổi tối và bữa ăn trưa.

Khi trao hoặc nhận danh thiếp, người ta thường dùng cả hai tay hoặc dùng tay phải trong khi tay trái đỡ lấy cánh tay phải. Người nhận phải đọc qua danh thiếp hay có thể nhờ giúp phát âm cho chuẩn tên của người trao danh thiếp. Nên tránh truyền danh thiếp qua bàn hoặc cầm một chồng danh thiếp phân phát cho mọi người.

Người Malaysia thường được gọi tên gắn với ông, bà, cô. Người Trung Quốc thường dùng họ trong xưng hô.

Complê và ca vát là trang phục giao dịch của đàn ông, có thể bỏ áo khoác ngoài nếu trời nóng. Sơ mi batik truyền thống cũng là trang phục ưa dùng của đàn

ông. Phụ nữ có thể mặc complê, sơ mi hoặc váy đến các cuộc hẹn ban ngày.

Không nên biếu rượu hay bia cho người đạo Hồi. Nên tặng bút hoặc những vật dụng tương tự có biểu tượng của công ty .

6. Văn hoá giao tiếp của người Malaysia

a- *Giao tiếp – thăm hỏi*

Bắt tay và nói theo kiểu " Hello " được coi là một lời chào, bắt tay là một cử chỉ chung cho cả nam và nữ, nhưng bạn bè thân thiết thì dùng cả hai tay nắm tay người kia, một cái cúi đầu nhẹ hoặc gật đầu là phổ biến khi gặp người cao tuổi hơn. Phụ nữ và người cao tuổi ít bắt tay mà thường hay chào nhau. Nhưng người đạo Hồi thường vòng tay trước ngực sau khi bắt tay bạn, đối với phụ nữ thì gật đầu và mỉm cười sẽ thay cho bắt tay khi họ được giới thiệu với một nam giới, cử chỉ bắt tay chỉ được đáp lại khi người phụ nữ đưa tay ra trước.

Thăm người thân và bạn bè là một phần quan trọng trong cuộc sống của Malaysia, đặc biệt đối với một người không muốn chung sống với đại gia đình. Khách được mời đến nhà dùng bữa hoặc sinh hoạt cùng với gia đình, khi đến phải gọi điện thoại trước biểu hiện sự lịch sự, khi vào nhà phải luôn bỏ giày ở ngoài, tay phải luôn được sử dụng để ăn hay đưa hoặc nhận bất kỳ vật gì.

b- *Những điều kiêng kỵ của người Malaysia*

Cũng như các dân tộc khác trong khu vực Đông Nam á, người Mã Lai tuân thủ theo nhiều điều kiêng kỵ, áp dụng chung cho mọi người trong cộng đồng, thậm chí trong cả xã hội. Theo tập tục, đối với các điều kiêng kỵ là chỉ tuân theo, không bàn cãi, không hỏi lý do vì sao, bởi vì như vậy sẽ không tốt, chỉ mang lại điều xấu. Các điều kiêng kỵ đã trở thành một bộ phận của truyền thống văn hoá dân tộc. Ngày nay, một số điều kiêng kỵ vẫn được người Mã Lai tin theo và tuân thủ, song phần lớn đã dần bị lãng quên do không còn phù hợp với cuộc sống hiện đại. Sau đây là một số điều kiêng kỵ tiêu biểu của người Mã Lai:

b.1. Đối với các cô gái chưa chồng

- Không hát ở trong bếp khi đang đun nấu;
- Không ăn thức ăn đặt trên cái đĩa đang xếp chồng lên nhau;
- Không nên xem người ta trang điểm cô dâu;
- Không cắt vải may quần áo vào ngày chủ nhật;
- Trong trường hợp cô em lấy chồng trước cô chị thì chú rể tương lai phải mang đến nhà vợ chưa cưới hai bộ quần áo, trong đó 1 bộ cho vợ tương lai và 1 bộ cho chị vợ.

b.2. Đối với chàng trai chưa vợ

- Không khoét lỗ ở quả dứa;
- Tránh để gà mái mổ vào miệng (điều này cũng áp dụng cho cả phụ nữ chưa chồng).

b.3. Một số điều kiêng kỵ khác

- Không dựa vào tường khi có sấm sét;
- Không ngủ trong chiếu cuộn lại;
- Chỉ đọc sách về tôn giáo vào thời gian cầu nguyện buổi chiều;
 - Không ăn trong bóng tối hoặc vào thời gian cầu nguyện buổi chiều;
 - Không ngủ trên sàn xi măng;
 - Không đi ra khỏi nhà khi có tiếng gà gáy;
 - Không soi gương ban đêm;
 - Không ăn cơm tại nồi, mà phải xới ra bát;
 - Không bưng đĩa mà ăn.

Phần ba

Nội dung cơ bản về luật lao động, luật tuyển dụng lao động nước ngoài, luật nhập cư và Luật hình sự của Malaysia

I. Nội dung cơ bản về luật lao động của Malaysia

1. Quy định về tiền lương và các lợi ích khác

“Lương” gồm khoản tiền lương cơ bản và tất cả các khoản thanh toán bằng tiền mặt khác trả cho người lao động theo những thoả thuận trong hợp đồng lao động, nhưng không bao gồm các khoản tiền hoa hồng, tiền tạm ứng và tiền công cho thời gian làm việc quá giờ.

Người lao động nước ngoài được hưởng sự đối xử ngang bằng như đối với lao động nước sở tại về tiền lương và các lợi ích khác.

Tiền lương được trả theo thoả thuận, không quy định mức lương tối thiểu, mỗi chủ sử dụng có thể trả mức lương khác nhau và tùy theo ngành nghề.

a. Mức thu nhập cụ thể trong một số lĩnh vực

- Đối với lĩnh vực trồng trọt và giúp việc gia đình, lương và các khoản trợ cấp từ 350-500RM/ tháng, xấp xỉ 92-132 USD/ tháng.

- Đối với lĩnh vực dịch vụ từ 450-800RM/ tháng, xấp xỉ 118 -210USD/ tháng.

- Đối với công nhân nhà máy: 494RM/ tháng, xấp xỉ 130USD/ tháng.

- Đối với công nhân xây dựng: 25RM đến 30RM/ ngày, xấp xỉ 200USD/1tháng. Nhưng trong lĩnh vực này thường khó khăn và nguy hiểm, điều kiện về nhà ở cũng kém hơn.

b. Thời hạn thanh toán lương

Theo quy định tại Luật việc làm năm 1955, lương phải được thanh toán cho người lao động trong vòng 7 ngày của tháng kế tiếp. Người lao động phải được trả lương ít nhất một lần trong một tháng.

c. Phương thức trả lương

- Lương phải trả cho người lao động bằng tiền mặt. Chủ sử dụng lao động không được thanh toán lương bằng phiếu hứa hẹn trả lương, giấy biên nhận, v.v...;

- Người sử dụng lao động có thể thanh toán lương trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của người lao động trong trường hợp người lao động chấp nhận bằng văn bản;

- Tiền lương khi thanh toán cho người lao động phải được kèm theo một bản kê chi tiết các khoản tiền lương, các khoản khấu trừ vào lương,....

d. Khấu trừ lương (nếu có)

Chủ sử dụng lao động chỉ được phép khấu trừ lương của người lao động (khi thanh toán lương) trong các trường hợp sau:

+ Khoản lương thừa do thanh toán nhầm lẫn (nếu có) đã xảy ra trong vòng 3 tháng trước sát với kỳ trả lương này.

+ Khoản tiền bồi thường hỏng hóc hay mất mát do người lao động gây ra cho chủ sử dụng lao động (nếu có)

+ Tiền tạm ứng (không được tính lãi suất), thuế chính phủ (100 RM/người/tháng với lao động nhà máy và xây dựng, 150RM/người/tháng với lao động trong lĩnh vực dịch vụ, 30 RM/người/ tháng với lao động trong lĩnh vực nông nghiệp) theo đúng quy định của pháp luật.

e. Thanh toán lương khi chấm dứt hợp đồng lao động

Theo quy định của pháp luật lao động Malaysia, người lao động phải được thanh toán hết tiền lương trước ngày chấm dứt hợp đồng lao động.

Khi người lao động thôi việc mà không thông báo trước, tiền lương (sau khi khấu trừ các khoản hợp pháp) phải được thanh toán trong vòng 3 ngày tính từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Quy định về thời gian làm việc

- “Thời gian làm việc” là khoảng thời gian người lao động được thuê làm việc cho người sử dụng lao động. Trong khoảng thời gian đó người lao động phải tuân theo các thoả thuận đã có với người sử dụng lao động.

- “Thời gian làm việc thông thường” là số giờ làm việc hàng ngày, được thoả thuận trong hợp đồng lao động giữa người lao động và chủ sử dụng lao động.

- “Ngày” nghĩa là khoảng thời gian 24 tiếng liên tục tính từ nửa đêm.

- Trong hợp đồng lao động, chủ sử dụng lao động không được phép yêu cầu người lao động:

+ Làm việc trong 5 tiếng đồng hồ liên tục mà không có khoảng thời gian nghỉ ngơi từ 30 phút trở lên.

Ví dụ: Một người lao động làm việc từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều thì người đó phải được nghỉ giải lao từ 30 phút trở lên vào bất cứ lúc nào trước 2 giờ chiều hoặc muộn nhất là 2 giờ chiều. Ngoại trừ trường hợp công việc của người lao động phải được thực hiện liên tục và luôn đòi hỏi sự có mặt của người lao động thì chủ sử dụng lao động có thể yêu cầu người lao động làm việc 8 tiếng liên tục nhưng người lao động phải có cơ hội ăn điểm tâm với thời gian ít nhất là 45 phút.

+ Vì lý do khách quan, chủ sử dụng chỉ bố trí cho người lao động làm việc 4 tiếng hoặc ít hơn thì được trả 1/2 (một nửa) lương ngày theo mức lương cơ bản quy định tại hợp đồng lao động .

+ Tương tự như vậy, nếu làm việc trên 4 đến 8 tiếng thì được trả đủ 1 ngày lương.

Ví dụ: Một người lao động làm việc từ 8 giờ sáng đến 6 giờ chiều (kéo dài 9 tiếng) và được nghỉ ăn trưa từ 1 giờ chiều đến 2 giờ chiều (người lao động có

thể sử dụng khoảng thời gian 1 tiếng đó tùy ý anh ta), tổng thời gian làm việc của người đó là 8 tiếng.

Ngoại trừ trường hợp: Người lao động và người sử dụng lao động thoả thuận trong hợp đồng số giờ làm việc của một ngày bất kỳ trong tuần ít hơn 8 tiếng thì người sử dụng lao động có thể yêu cầu người lao động làm việc bù trong một ngày bất kỳ khác và vẫn được coi là ngày làm việc thông thường của người lao động, giả định là tối đa 9 tiếng, miễn là tổng số giờ làm việc trong một tuần không quá 48 tiếng.

+ Làm việc hơn 10 tiếng/1 ngày (thường áp dụng trong ngành dịch vụ).

Ví dụ: Một người làm việc từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều, sau đó làm việc tiếp từ 5 giờ chiều đến 8 giờ tối. Như vậy ngày làm việc của người đó được tính từ 10 giờ sáng đến 8 giờ tối và là 10 tiếng.

+ Làm hơn 48 tiếng/1 tuần.

“**Tuần**” nghĩa là một khoảng thời gian 7 ngày liên tục.

- Làm việc theo ca:

+ Trong hợp đồng lao động, chủ sử dụng lao động có thể yêu cầu người lao động làm việc theo ca.

+ Một số công việc do tính chất đặc thù yêu cầu phải được thực hiện liên tục, ngày làm việc có thể được chia thành 2 hoặc 3 ca để đảm bảo luôn có người làm việc.

Ví dụ:

<i>7^h sáng → 3^h chiều</i>	<i>3^h chiều → 11^h tối</i>	<i>11^h tối → 7^h sáng</i>
<i>Ca 1</i>	<i>Ca 2</i>	<i>Ca 3</i>

“**Ngày**” đối với người lao động làm việc theo ca có nghĩa là một giai đoạn 24 tiếng liên tục tính từ thời điểm bắt đầu ca làm việc đó.

Ví dụ: Một ngày đối với người lao động làm ca 1 thì ngày làm ca sẽ từ 7h sáng ngày hôm trước tới 7h sáng ngày hôm sau; với người lao động làm ca 2 thì ngày làm ca sẽ từ 3h chiều ngày hôm trước tới 3h chiều ngày hôm sau; với người lao động làm ca 3 thì ngày làm ca sẽ từ 11h tối ngày hôm trước tới 11h tối ngày hôm sau.

- Làm việc hơn 8 tiếng/1ngày (tối đa là 12 tiếng), và làm việc hơn 48 tiếng trong một tuần bất kỳ.

Tuy nhiên, số giờ làm việc trung bình một tuần trong giai đoạn 3 tuần bất kỳ liên tục không được vượt quá 48 tiếng.

Trường hợp đặc biệt mà người lao động có thể được yêu cầu làm việc hơn 12 tiếng một ngày (quy định trong Điều 60A (2) (a) – (e))

Ví dụ:

	<i>Thứ hai</i>	<i>Thứ ba</i>	<i>Thứ Tư</i>	<i>Thứ năm</i>	<i>Thứ sáu</i>	<i>Thứ bảy</i>	<i>Tổng số giờ làm việc</i>
<i>Tuần 1</i>	12	12	12	12	10	10	68
<i>Tuần 2</i>	7	7	7	7	7	9	44

Tuần 3	5	5	6	6	5	5	32
<i>Tổng cộng:</i>							144

Số giờ làm việc trung bình trong 1 tuần:

$$144 \text{ giờ} : 3 = 48 \text{ giờ/ tuần}$$

3. Làm việc quá giờ

- “Làm việc quá giờ” là làm việc quá số lượng giờ làm việc thông thường. Làm quá giờ có thể diễn ra trước hoặc sau thời gian làm việc thông thường.

Ví dụ: Nếu thời gian làm việc thông thường là 7 tiếng thì làm quá giờ là làm việc trong khoảng thời gian vượt hơn 7 tiếng.

Nếu thời gian làm việc thông thường là 8 tiếng thì làm quá giờ là làm việc trong khoảng thời gian vượt hơn 8 tiếng.

Nếu thời gian làm việc thông thường là 9 tiếng thì làm quá giờ là làm việc trong khoảng thời gian vượt hơn 9 tiếng.

- Số lượng thời gian làm việc quá giờ cho phép tối đa trong một ngày phụ thuộc vào quy định về thời gian làm việc thông thường của ngày làm việc đó. Vì thế, nếu thời gian làm việc thông thường của người lao động là:

+ 7 tiếng /1ngày: cho phép làm quá giờ tối đa là 5 tiếng.

+ 8 tiếng/1ngày: cho phép làm quá giờ tối đa là 4 tiếng.

+ 9 tiếng/1ngày: cho phép làm quá giờ tối đa là 3 tiếng.

- Chủ sử dụng lao động không được yêu cầu người lao động làm việc quá 12 tiếng/ngày, trừ những trường hợp đặc biệt.

Ví dụ: 8^h sáng đến 5h chiều là thời gian làm việc thông thường trong đó 8 tiếng làm việc và 1 tiếng nghỉ ăn trưa = 9 tiếng.

6h sáng → 7h sáng sẽ được tính là thời gian làm việc quá giờ.

6h chiều → 8h tối giờ cũng sẽ được tính thời gian làm việc quá giờ như vậy.

- Lượng thời gian làm việc quá giờ tối đa cho phép là 104 giờ/1người lao động/1tháng. Tuy nhiên, chủ sử dụng lao động có thể để người lao động làm việc quá giới hạn 104 giờ, nếu chủ sử dụng lao động yêu cầu người lao động khi thương lượng giao kết hợp đồng lao động.

- Thời gian làm việc quá giờ diễn ra vào ngày nghỉ hoặc trong 10 ngày nghỉ lễ không được xác định trong giới hạn 104 giờ làm việc quá giờ trên.

- Giờ làm việc của người lao động là 8 giờ/1ngày và 6 ngày/1tuần. Tuỳ theo sự sắp xếp bố trí của quản lý và công ty.

- Thời gian làm thêm sẽ quy định như nhiệm vụ bắt buộc và được thực hiện theo yêu cầu của chủ sử dụng lao động hay người được uỷ quyền.

4. Các ngày nghỉ tuần, phép thường niên, nghỉ ốm, nghỉ lễ

4.a. Ngày nghỉ

- Tất cả người lao động được quyền nghỉ một ngày trong một tuần, ngày đó do chủ sử dụng lao động quy định. ở những nơi người lao động được nghỉ hơn một ngày trong một tuần thì từ ngày nghỉ thứ 2 trở đi sẽ được coi là ngày nghỉ vì tính chất của công việc.

- Chủ sử dụng lao động sẽ chuẩn bị một bảng phân công vào đầu mỗi tháng để thông báo cho người lao động về ngày nghỉ của họ. Tuy nhiên, nếu chủ sử dụng lao động chọn một ngày nghỉ nhất định hàng tuần cho tất cả người lao động thì chỉ cần có một thông báo dán tại nơi làm việc.

- Đối với người lao động làm việc theo ca, một ngày nghỉ là 30 tiếng liên tục.

- Không áp dụng ngày nghỉ trong giai đoạn người lao động đang:

- + Nghỉ chế độ thai sản
- + Nghỉ ốm.

+ Nghi do mất khả năng lao động tạm thời (quy định trong Luật Bảo hiểm tai nạn lao động 1992 hoặc Luật An sinh xã hội 1969).

- Người sử dụng lao động có thể yêu cầu người lao động làm việc trong ngày nghỉ.

- Người lao động được yêu cầu làm việc trong ngày nghỉ phải được trả mức lương không thấp hơn các mức tương ứng sau:

+ Đối với trường hợp trả lương theo tháng:

- Mức lương cho thời gian làm việc quá giờ:

+ Nếu làm quá giờ vào ngày thường thì được trả gấp 1,5 lần lương giờ của ngày làm việc bình thường.

+ Nếu làm quá giờ vào ngày nghỉ (chủ nhật hoặc ngày thay thế cho chủ nhật) thì được trả gấp 2 lần lương giờ của ngày làm việc bình thường.

+ Nếu làm quá giờ vào ngày lễ, tết (theo quy định đăng trong Công báo hàng năm) thì được trả gấp 3 lần lương giờ của ngày làm việc bình thường.

+ Đối với trường hợp trả lương theo sản phẩm: thì được trả lương gấp 2 lần mức lương sản phẩm của ngày làm việc thông thường.

4.b. Nghỉ phép thường niên

- Tùy theo quãng thời gian làm việc, người lao động được quyền nghỉ số ngày phép tối thiểu sau:

+ Nếu làm việc dưới 2 năm: được quyền nghỉ phép 8 ngày/1năm làm việc có hưởng lương.

+ Nếu làm việc trên 2 năm nhưng chưa đủ 5 năm: được nghỉ phép 12 ngày/ 1năm.

+ Nếu làm việc trên 5 năm: được nghỉ phép 16 ngày/1năm.

- Nếu người lao động tự ý nghỉ việc quá 10% số ngày làm việc trong 12 tháng liên tục mà không được sự đồng ý của chủ sử dụng lao động hoặc không có lý do chính đáng thì không có quyền nghỉ phép thường niên của giai đoạn 12 tháng đó.

- Số ngày nghỉ phép của năm nào phải được sử dụng trong năm đó. Nếu hết năm, người lao động không dùng hết ngày nghỉ phép thì mất quyền nghỉ các ngày phép còn lại. Nếu theo yêu cầu của chủ sử dụng lao động, người lao động đồng ý bằng văn bản đi làm trong tất cả các ngày nghỉ phép thì người lao động sẽ được trả thêm lương cho những ngày làm việc đó (đã nói ở trên).

- Nếu trong ngày nghỉ phép thường niên, trường hợp người lao động chấp nhận không nghỉ phép và được trả lương cho việc đi làm thay thế việc nghỉ, mà người ấy lại nghỉ ốm hoặc nghỉ theo chế độ thai sản thì ngày nghỉ phép thường niên đó sẽ không được tính.

- Mức lương trả cho ngày làm việc thay thế nghỉ phép phụ thuộc vào hình thức trả lương và mức lương cho ngày làm việc thông thường.

4.c. Nghỉ ốm

- Người lao động có quyền được nghỉ ốm tối thiểu như sau:

+ 14 ngày/1năm nếu thời gian làm việc dưới 02 năm.

+ 18 ngày/1năm nếu thời gian làm việc từ 02 năm đến dưới 05 năm.

+ 22 ngày/1năm nếu thời gian làm việc từ 05 năm trở lên.

- Ngày nghỉ ốm bao gồm cả ngày đi khám nha sỹ.

- Người lao động có quyền nghỉ ốm nằm viện tổng cộng không quá 60 ngày. Nếu người lao động đã nghỉ ốm thông thường thì số ngày nghỉ ốm nằm viện sẽ là 60 ngày trừ đi số ngày người đó đã nghỉ ốm.

Ví dụ:

Anh A đã nghỉ 14 ngày ốm thông thường. Tổng thời gian anh ta có thể nghỉ ốm do nằm viện được tính như sau:

Tổng thời gian nghỉ ốm do nằm viện theo tiêu chuẩn là: 60 ngày.

Thời gian đã nghỉ ốm thông thường là: 14 ngày.

Thời gian nghỉ ốm do nằm viện còn lại : $60 - 14 = 46$ ngày.

Nếu ông A đã nằm viện 60 ngày trong một năm dương lịch thì ông A không có quyền nghỉ ốm thông thường nữa. Những ngày nghỉ vượt quá tiêu chuẩn, người lao động sẽ không được hưởng trợ cấp nghỉ ốm. Mức trợ cấp thế nào do chủ sử dụng tự quy định tùy theo khả năng của họ.

- Nếu người lao động nghỉ ốm mà không có giấy chứng nhận của bệnh viện hay phòng khám bác sỹ do chủ sử dụng chỉ định, hoặc có giấy chứng nhận đó nhưng không thông báo cho người sử dụng lao động trong vòng 48 tiếng (tính từ thời điểm bắt đầu nghỉ ốm) thì anh ta sẽ bị coi là nghỉ không xin phép hoặc nghỉ không có lí do chính đáng; trong trường hợp đó chủ sử dụng có thể thực hiện các hình thức kỉ luật tương ứng đối với người lao động.

- Người lao động không được nhận trợ cấp nghỉ ốm trong giai đoạn người đó đang nhận:

+ Tiền đền bù mất khả năng lao động, quy định trong Luật bồi thường tai nạn lao động, năm 1952.

+ Bất cứ khoản bồi thường định kỳ cho việc mất khả năng lao động tạm thời, được quy định trong Luật An sinh Xã hội, năm 1969.

+ Thông thường, chủ sử dụng thanh toán cho lao động tiền khám chữa bệnh và thuốc men với mức dao động khoảng từ 100-200 RM/người/năm (được ghi rõ trong hợp đồng ký với người lao động). Trường hợp vượt quá định mức thì người lao động phải tự thanh toán.

4.d. Nghỉ lễ

Malaysia là quốc gia có nhiều sắc tộc sinh sống và theo những tôn giáo khác nhau, vì vậy cũng có nhiều ngày lễ, nghỉ; nhưng chủ yếu có 3 mùa lễ lớn là: Tết âm lịch của người Trung quốc, Tết Hari-Raya của người Malaysia theo Đạo Hồi và Tết Deepavali của người Ấn Độ.

Thông thường một năm Malaysia cho phép nghỉ 12 ngày lễ chính:

- Tết dương lịch vào ngày mùng 1 tháng 1 hàng năm;
- Ngày Awal Muharam/ Maal Hijrah của người Đạo Hồi (thường vào tháng 01);
- Nghỉ tết âm lịch của người Hoa trong tháng 2 (2 ngày mùng 1 và 2 âm lịch);
- Nghỉ lễ ngày sinh của Nhà tiên tri Mohamad của người Đạo Hồi vào cuối tháng 3;
- Nghỉ lễ ngày lao động 01 tháng 5;
- Nghỉ lễ ngày sinh nhật Vua Malaysia;
- Nghỉ lễ ngày độc lập 31 tháng 8;

- Nghỉ lễ tết Hari-Raya sau khi kết thúc tháng Ramadan (2 ngày mùng 1 và 2 lịch Đạo Hồi);

- Nghỉ lễ tết Deepavali của người ấn độ (thường vào giữa tháng 10 hoặc 11);

- Nghỉ lễ giáng sinh 25/12.

- Nếu có một ngày nghỉ lễ rơi vào ngày nghỉ (chủ nhật) thì người lao động sẽ được nghỉ bù vào ngày làm việc tiếp theo và ngày đó được coi là ngày nghỉ lễ.

- Nếu người lao động vắng mặt trong một ngày làm việc ngay trước ngày nghỉ lễ mà không được sự đồng ý trước của người sử dụng lao động thì người lao động không được trả lương cho ngày nghỉ lễ đó trừ trường hợp anh ta nghỉ có lý do chính đáng.

- Khi người lao động làm việc vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được nhận trợ cấp đi lại nếu khoản trợ cấp này được ghi trong hợp đồng với người sử dụng lao động.

- Nếu ngày nghỉ lễ rơi vào ngày làm việc nửa ngày thì người lao động vẫn được trả công như ngày làm việc cả ngày.

5. Khám sức khoẻ định kỳ

Hàng năm người lao động được chủ sử dụng đưa đi khám sức khoẻ theo yêu cầu của Cục xuất nhập cảnh Malaysia để làm cơ sở cho việc cấp giấy phép làm việc. Chi phí khám sức khoẻ sẽ do chủ sử dụng chi trả.

6. Về chế độ bảo hiểm xã hội

Người chủ sử dụng lao động phải mua bảo hiểm tai nạn lao động (tại công ty bảo hiểm địa phương) cho người lao động, để bảo đảm người lao động được hưởng chế độ bồi thường tai nạn lao động khi đang làm việc như đã nói ở trên.

7- Thời hạn hợp đồng

- Người lao động làm việc theo hợp đồng 2 năm (kể từ ngày đến làm việc) thì có thể được gia hạn từ 1 đến 5 năm, với sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền Malaysia.

- Người lao động có thể quay lại làm việc tại Malaysia sau khi đã về nước được 6 tháng.

8. Bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp tai nạn sau đây:

a, Tai nạn xảy ra trong thời gian làm việc:

*** Tai nạn xảy ra trong thời gian làm việc:**

- Trong thời gian làm việc tại công ty, người lao động gặp tai nạn:

Khi người lao động đang làm việc tại nơi làm việc theo quy định của công ty;

Khi người lao động đang tiến hành một vụ cấp cứu thực sự hoặc giả định tại nơi làm việc để giải nguy, bảo vệ những người được cho là có thể bị thương hoặc gặp nguy hiểm hoặc để làm giảm thiểu tổn thất tài sản;

- Trong thời gian làm việc tại nơi làm việc, người lao động xảy ra tai nạn lao động trong tình trạng đang thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy công ty thì sẽ không được bảo hiểm bồi thường, trừ các trường hợp sau:

Những hành vi đó được thực hiện do mệnh lệnh của chủ sử dụng vì mục đích liên quan tới hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại của chủ sử dụng.

Vụ tai nạn sẽ vẫn xảy ra dù người lao động có thực hiện những hành vi vi phạm này hay không hoặc người lao động phải thực hiện do hoàn cảnh bắt buộc.

- Vụ tai nạn xảy ra đối với người lao động khi người lao động đang thực hiện một nhiệm vụ của chủ và đang trên đường đi tới nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc đi ra một phương tiện giao thông

(đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không) được điều khiển bởi chủ sử dụng/ đại diện của chủ hoặc những cá nhân này không có giấy phép vận hành phương tiện công công.

Mức chi trả bảo hiểm:

- Tử vong do tai nạn lao động trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm xảy ra tai nạn: Mức bảo hiểm chi trả/lao động không vượt quá mức thấp hơn hoặc 18.000 RM hoặc 60 tháng lương cơ bản, ngoài ra bảo hiểm chi trả thêm 7.000RM/lao động theo hệ thống chi trả bảo hiểm lao động FWCS, theo đó tổng chi bảo hiểm không quá 25.000 RM/lao động.

- Tai nạn dẫn đến vĩnh viễn mất khả năng lao động toàn phần trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm xảy ra tai nạn: Mức bảo hiểm chi trả/lao động không vượt quá mức thấp hơn hoặc 23.000RM hoặc 60 tháng lương cơ bản.

- Tai nạn dẫn đến vĩnh viễn mất khả năng lao động một phần trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm xảy ra tai nạn: Mức bảo hiểm chi trả/lao động căn cứ theo tỷ lệ phần trăm mất khả năng lao động cụ thể như tổng mức chi trả không quá 23.000 RM/lao động.

- Tai nạn dẫn đến tạm thời mất khả năng lao động (toàn phần hoặc một phần): Đây là trường hợp thường gặp nhất trong các tai nạn lao động- mức chi trả căn cứ theo điều 8 (e) của Luật. Cụ thể:

Mức bồi thường chi trả theo định kỳ 1/2 tháng kể từ thời điểm người lao động bị mất khả năng lao động tạm thời, trong đó: 1/2 tháng đầu tiên được chi trả bằng tiền lương của 1/2 tháng tại thời điểm ngay trước khi bị mất khả năng lao động tạm thời; từ 1/2 tháng tiếp theo trong suốt thời gian bị mất khả năng lao động tạm thời (nhưng không vượt quá 05 năm) sẽ được chi trả bằng 1/3 tiền lương tháng của người lao động (tháng ngay trước thời điểm mất khả năng lao động tạm thời) nhưng không vượt quá 165 RM.

- Tai nạn dẫn tới bệnh nghề nghiệp trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm xảy ra tai nạn: mức thu bảo hiểm chi trả căn cứ theo loại hình nghề nghiệp và bệnh tật mắc phải.

- **Chi phí y tế:** Khi xảy ra tai nạn lao động, chủ sử dụng có trách nhiệm giới thiệu người bị nạn đến khám tại cơ sở y tế có đăng ký trong thời gian sớm nhất và trả định kỳ 1/2 tháng trong thời gian khám chữa bệnh tới khi bình phục (ở bệnh viện hoặc điều trị ở nhà).

Chi phí hồi hương: mức bảo hiểm chi trả/lao động không vượt quá mức thấp hơn hoặc chi phí thực tế của việc hồi hương người bị nạn về quốc gia người bị nạn thường trú trước khi sang Malaysia hoặc 4.800 RM/lao động.

b, Tai nạn xảy ra ngoài thời gian làm việc

Vụ tai nạn xảy ra đối với người lao động ngoài thời gian làm việc tại nơi làm việc khi: (a) người lao động đang trên đường đi từ nơi ở thường xuyên tới nơi làm việc hoặc cùng đường ngược lại khi kết thúc công việc về nơi ở thường xuyên; hoặc (b) người lao động đang thực hiện nhiệm vụ nào đó của chủ trên đường đi tới nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc đi ra bất kỳ phương tiện giao thông công cộng như đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không (ở đây hiểu là người điều khiển phương tiện giao thông công cộng này là cá nhân có giấy phép vận hành phương tiện công cộng).

Mức chi trả bảo hiểm:

- Tử vong nguyên nhân do tai nạn lao động trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm xảy ra tai nạn: Mức bảo hiểm chi trả/lao động là 23.000RM.

- Tai nạn dẫn đến vĩnh viễn hoặc tạm thời mất khả năng lao động (toàn phần hoặc một phần): như trường hợp xảy ra trong thời gian làm việc.

Chi phí y tế, chi phí hồi hương: như trường hợp xảy ra trong thời gian làm việc.

Bảng tổng hợp mức chi trả bảo hiểm tai nạn lao động

Các hình thức được bảo hiểm	Mức chi trả bảo hiểm trong thời gian	Mức chi trả bảo hiểm ngoài thời gian làm
-----------------------------	--------------------------------------	--

chi trả	làm việc	việc
Tử vong	25.000 RM/lao động	23.000RM/lao động
Mất KNLĐ vĩnh viễn (một phần hoặc toàn bộ)	Theo Luật quy định (tối đa 23.000 RM/người)	Theo Luật quy định (tối đa 23.000 RM/người)
Mất KNLĐ tạm thời (một phần hoặc toàn bộ)	Theo quy định của Luật	Theo quy định của Luật
Bệnh nghề nghiệp	Theo quy định của Luật	Không được
Chi phí y tế	Theo Luật quy định	Theo Luật quy định
Chi phí hồi hương	Tối đa 4800 RM	Tối đa 4800 RM

II. quy định về việc thuê lao động nước ngoài làm việc tại Malaysia

1. Quy định chung

- Lao động nước ngoài được tuyển dụng vào làm việc trong các lĩnh vực sản xuất chế tạo xây dựng, nông nghiệp, dịch vụ (lao động giúp việc trong gia đình, nhà hàng, khách sạn, huấn luyện viên) và các lĩnh vực sản xuất.

- Bộ Nội vụ và Bộ phận quản lý lao động nước ngoài của Cục nhập cư Malaysia là các tổ chức có thẩm

quyền cấp phép cho việc tuyển dụng lao động nước ngoài theo từng loại: lao động có tay nghề, lao động phổ thông và bán phổ thông (không bao gồm những lao động nhập cư thuộc nhóm quản lý, chuyên gia, kỹ thuật, giám sát).

- Việc cấp quyền tuyển dụng lao động nước ngoài phụ thuộc vào từng trường hợp và các điều kiện chấp thuận sẽ thay đổi tùy theo thời điểm. Yêu cầu tuyển dụng lao động nước ngoài của người sử dụng lao động chỉ được xem xét sau khi không tìm được lao động địa phương hoặc lao động là dân nhập cư lâu dài thích hợp với công việc.

- Một mức thu thuế hàng năm được áp dụng với lao động nước ngoài để đảm bảo lao động nước ngoài chỉ được tuyển dụng khi cần thiết. Mức thuế được quy định là **1200 RM/năm** đối với lao động nước ngoài làm việc trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và xây dựng; **360 RM/năm** đối với lao động nước ngoài làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Người lao động nước ngoài sẽ được cấp giấy phép lao động khi hợp đồng lao động có thời hạn tối thiểu hai năm.

- Lao động nước ngoài làm việc tại Malaysia trên cơ sở hợp đồng, phải có giấy phép làm việc 2 năm, gia hạn tối đa 7 năm, hết hạn hợp đồng phải về nước.

- Quyền lợi của người lao động nước ngoài làm việc hợp pháp được hưởng như người lao động nước sở

tại theo pháp luật lao động hoặc thoả ước lao động tập thể.

- Lao động nước ngoài không được mang theo gia đình, không được có thai, không được hoạt động công đoàn, công hội. Nếu vi phạm thì bị trục xuất về nước và tự chịu chi phí.

- Lao động nước ngoài phải nộp thuế theo các quy định của Cục Nhập cư.

- Lao động nước ngoài phải có chủ thuê và chỉ làm cho một chủ.

- Chi phí về nước cho người lao động nước ngoài được quy định:

+ Nếu người lao động hoàn thành hợp đồng hoặc chủ sử dụng lao động đơn phương kết thúc hợp đồng trước thời hạn, thì chủ sử dụng lao động phải chịu chi phí đưa người lao động nước ngoài về nước.

+ Nếu người lao động nước ngoài bị chấm dứt hợp đồng phải về nước do vi phạm hợp đồng lao động hoặc luật pháp Malaysia hay tự ý xin về nước thì mọi chi phí để về nước do người lao động chịu.

2. Điều kiện, thủ tục về tuyển lao động nước ngoài

a. Đối với chủ sử dụng lao động nước ngoài

Trong lĩnh vực xây dựng, dịch vụ, sản xuất và trồng trọt thì chủ sử dụng có thể thuê lao động nước ngoài bằng hai cách:

- Chủ sử dụng lao động có thể trực tiếp, hoặc thông qua các cơ sở dịch vụ việc làm (công ty môi giới) để nộp đơn lên Cục Nhập cư, khi đơn này đã được cơ quan chuyên môn chấp nhận, thì người chủ sử dụng có thể uỷ quyền cho các công ty tuyển dụng (công ty môi giới) ở Malaysia thực hiện. Việc thuê lao động nước ngoài thông qua các cơ sở dịch vụ việc làm (công ty môi giới) sẽ phải chịu một chi phí lớn hơn.

- Để có thể lựa chọn được lao động đáp ứng yêu cầu, người chủ sử dụng có thể đến Quốc gia của các lao động nước ngoài và nhờ các công ty tuyển dụng của các quốc gia này giúp đỡ. Chủ sử dụng có thể tự thuê các lao động này bằng cách tự tìm hiểu khả năng nếu đáp ứng yêu cầu của mình thì làm thủ tục xin Visa nhập cảnh Malaysia cho lao động; cách thứ hai này đòi hỏi người chủ sử dụng phải nộp đơn trực tiếp tới cục Nhập cư và phải trực tiếp đến nước của người lao động mà họ sẽ thuê để tuyển dụng;

Nếu người lao động bỏ trốn thì chủ sử dụng phải thông báo ngay cho cục nhập cư biết để có biện pháp truy tìm, xử phạt và trục xuất về nước.

b. Tuyển dụng và chi phí

Việc tuyển dụng phải được tiến hành trong vòng một tháng và chi phí cho việc tuyển dụng khoảng từ 3.500 - 6.500 RM/ người tùy thuộc vào từng quốc gia có lao động đến Malaysia làm việc, tùy từng lĩnh vực công việc mà người lao động sẽ làm.

Chi phí tuyển dụng gồm thuế việc làm hàng năm, phí xin giấy phép việc làm và thủ tục xin visa, phí đưa lao động sang Malaysia, phí kiểm tra y tế, bảo lãnh ngân hàng và các chi phí phát sinh khác. Các chi phí này do chủ sử dụng tiếp nhận lao động nước ngoài nước chịu.

III. Luật nhập cư của Malaysia *(Lược trích)*

Luật Nhập cư 1959/1963 của Malaysia là văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định chủ yếu về vấn đề nhập cư Malaysia; luật này quy định về những yêu cầu để nhập cư, xuất cư, giấy phép nhập cảnh và những thủ tục nhập cư, xuất cư; chế tài vi phạm, những điều khoản quy định đặc biệt tại Đông Malaysia.

Cơ quan quản lý Nhà nước về Nhập cư của Malaysia là Cục Nhập cư trực thuộc Bộ Nội vụ Malaysia; cơ quan này có trách nhiệm chính trong việc thực thi Luật Nhập cư, kiểm tra và ngăn cản không cho nhập cư đối với những công dân nước ngoài có tiền án, những công dân không bảo đảm về nguồn tài chính và những công dân khai man về mục đích nhập cư vào Malaysia.

Để được đến làm việc tại Malaysia, người lao động nước ngoài sẽ được Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Malaysia tại nước sở tại cấp visa, visa này sẽ được gắn vào hộ chiếu của người lao động.

Visa được coi là giấy phê chuẩn của Cơ quan quản lý Nhập cư Malaysia cho phép lao động nước ngoài vào lãnh thổ Malaysia.

Người lao động nước ngoài muốn nhập cảnh vào Malaysia bắt buộc phải làm đơn xin visa và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn được cấp visa trước khi nhập cảnh vào Malaysia.

Thông thường visa được cấp bằng cách dán hoặc đính kèm vào giấy thông hành hoặc hộ chiếu của đương đơn.

Visa cho lao động nước ngoài thông thường có thời hạn là 1 tháng.

Thông thường một cá nhân đã có visa hợp lệ sẽ được phép nhập cảnh vào Malaysia, trừ trường hợp cá nhân này bị phát hiện là đã cố tình không cung cấp những thông tin cần thiết hoặc cung cấp thông tin sai sự thật trong quá trình xin cấp visa.

III.1. Những đối tượng không được phép nhập cư Malaysia

Theo quy định của Luật Nhập cư Malaysia, những đối tượng sau đây không được phép nhập cư vào lãnh thổ Malaysia:

1. Những người phạm tội hình sự ở nước sở tại đang trong thời hạn thụ án mà không có lệnh ân xá của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại;

2. Gái mãi dâm hoặc những đối tượng trước khi đến Malaysia đã bị coi là hành nghề mãi dâm;

3. Kẻ môi giới mãi dâm hoặc có ý định nhập cư vào Malaysia để môi giới mãi dâm. Phụ nữ có ý định đến Malaysia để hành nghề mãi dâm hoặc làm những nghề vi phạm chuẩn mực đạo đức của Malaysia;

4. Những người vô gia cư hoặc ăn mày, ăn xin;

5. Những người có hành vi vi phạm pháp luật hiện hành trong thời gian xin nhập cảnh vào Malaysia;

6. Những cá nhân đã bị trục xuất khỏi lãnh thổ của nước sở tại bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà Cục Lãnh sự Malaysia nhận thấy không thể cho nhập cảnh vào Malaysia;

7. Những cá nhân không có hộ chiếu, visa hợp lệ theo quy định của pháp luật Malaysia hiện hành;

8. Thành viên gia đình của tất cả những đối tượng bị cấm nhập cảnh nói trên.

Thông thường tại cửa khẩu, người lao động nước ngoài có thể bị từ chối cho phép nhập cảnh trong các trường hợp sau:

- Không vượt qua khỏi cuộc kiểm tra về y tế ;
- Bị phát hiện có tiền án.
- Bị phát hiện thuộc đối tượng bị trục xuất khỏi lãnh thổ Malaysia;

- Thuộc những lý do đặc biệt không thể nhập cảnh vào Malaysia (Do nhà chức trách Malaysia quy định).

Ghi chú: Những người lao động nước ngoài bị Cục Nhập cư Malaysia huỷ bỏ visa hoặc giấy phép nhập cư, nếu không hài lòng với quyết định trên có thể khiếu nại bằng văn bản tới Cục Nhập cư Malaysia trong vòng 7 ngày kể từ ngày được thông báo quyết định huỷ bỏ nói trên. Quyết định của Cục trưởng Cục Nhập cư sẽ là quyết định cuối cùng.

III.2. Điều kiện, thủ tục cấp phép cho lao động nước ngoài nhập cư Malaysia

1. Các vùng cho phép người nước ngoài nhập cư

a. Vùng Peninsula

Trong đó có một số địa phương như Johor Darul Takzim, Kedah Darul Aman, Kelantan Darul Naim, Malacca, Negeri Sembilan, Pahang Darul Maccmur, Perak Darul Ridzuan, Perlis Indera Kayangan, Pulau Pinang, Selangor Darul ehsan and Terengganu Darul Iman;

b. Vùng Sabah

c. Vùng Sarawak

2. Thủ tục nhập cư

Người nước ngoài có thể xin Visa tại một trong 86 văn phòng Tùy viên nhập cư, Cao uỷ, Đại sứ quán hoặc văn phòng Lãnh sự quán Malaysia tại 70 quốc gia trên thế giới kèm theo các giấy tờ sau :

- Hộ chiếu hoặc giấy thông hành được chính phủ Malaysia công nhận còn hạn sử dụng ít nhất 6 tháng.

- Mẫu đơn xin cấp visa IM. 47 (3 bản).

- Vé máy bay.

- 03 ảnh mới nhất của người xin visa khổ 3,5 cm x 5 cm.

- Tờ khai chứng minh khả năng tài chính, để chi phí sinh hoạt trong thời gian ở Malaysia.

3. Điều kiện nhập cư

- Người lao động nước ngoài bắt buộc phải ở bên ngoài biên giới Malaysia trong thời gian tiến hành thủ tục xin cấp phép và chỉ được nhập cảnh vào Malaysia khi visa dành cho lao động ngắn hạn được duyệt;

- Người lao động nước ngoài không thuộc đối tượng bị cấm nhập cư Malaysia như đã nêu ở Mục I ở trên mới được cấp phép lao động;

- Để được cấp phép lao động, người lao động nước ngoài phải đệ trình (giấy) chứng nhận y tế, trong đó chứng nhận rằng người đó đủ sức khoẻ để làm việc tại Malaysia;

- Hộ chiếu của người lao động phải còn thời hạn tối thiểu 12 tháng kể từ ngày visa được phê chuẩn;

- Người lao động phải nằm trong độ tuổi từ 18 – 45 (riêng lao động giúp việc gia đình phải nằm trong độ tuổi từ 25 – 45);

- Người lao động nước ngoài bắt buộc phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Malaysia;

- Người lao động nước ngoài không được phép đưa thân nhân, gia đình tới định cư tại Malaysia;

- Người lao động không được phép thay đổi ngành nghề làm việc và chủ sử dụng lao động mà không có sự phê chuẩn của Cục Nhập cư Malaysia;

- Người lao động nước ngoài chỉ được phép lưu trú trên lãnh thổ Malaysia trong thời hạn hiệu lực của giấy phép lao động. Nếu muốn gia hạn, người lao động phải nộp đơn xin gia hạn ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn;

- Chủ sử dụng lao động phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với những vấn đề liên quan đến đệ trình các văn bản cũng như vấn đề nộp lệ phí cho người lao động nước ngoài tại Cục Nhập cư;

- Tiền bảo lãnh ký gửi tại Ngân hàng chỉ có thể hoàn trả cho chủ sử dụng lao động hoặc người bảo lãnh nếu chủ sử dụng lao động hoặc người bảo lãnh đưa ra được những bằng chứng chứng tỏ người lao động nước ngoài đã rời khỏi lãnh thổ Malaysia;

- Người lao động nước ngoài có trách nhiệm trở về nước bản địa trong thời gian càng sớm càng tốt sau khi thôi việc, bị sa thải hoặc sau khi giấy phép lao động hết hạn hoặc bị huỷ bỏ;

- Quyết định phê chuẩn giấy phép lao động có thể bị thu hồi nếu phát hiện có dấu hiệu trái với các quy định của Luật Nhập cư.

IV. chế tài xử lý đối với những trường hợp vi phạm luật nhập cư Malaysia

1. Trường hợp nhập cư trái phép

Sẽ bị phạt tiền tối đa 10.000 RM hoặc bị phạt tù tối đa 5 năm hoặc phải chịu cả hai hình phạt trên; ngoài ra còn phải nộp án phí 3000 RM.

2. Trường hợp lưu trú quá hạn

Sẽ bị phạt tiền tối đa 10.000 RM hoặc bị phạt tù tối đa 5 năm hoặc phải chịu cả hai hình phạt trên; ngoài ra còn phải nộp án phí 3000 RM.

3. Trường hợp sử dụng visa hoặc giấy phép nhập cảnh giả mạo

Sẽ bị phạt tiền tối đa 10.000 RM hoặc bị phạt tù tối đa 5 năm hoặc phải chịu cả hai hình phạt trên.

V. Một số quy định của luật hình sự Malaysia

1. Tội gây rối, nổi loạn tại nơi công cộng, bị phạt tù 2 năm hoặc phạt tiền hoặc cả hai.

2. Tội gây rối, nổi loạn tại nơi công cộng và dùng vũ khí có thể làm chết người để tham gia trong vụ nổi loạn, bị phạt tù dưới 5 năm hoặc phạt tiền hoặc cả hai.

3. Tội đe dọa người khác, bị phạt tù 2 năm hoặc phạt tiền hoặc cả hai.

4. Tội tấn công để đánh người khác tại nơi công cộng, bị phạt tù 2 năm hoặc phạt tiền hoặc cả hai.

5. Tội cố ý tấn công để xúc phạm người khác, bị phạt tù 10 năm hoặc phạt tiền hoặc bị đánh bằng roi hoặc cả hai.

6. Tội tấn công để làm mất danh dự của người khác, bị phạt tù 2 năm hoặc cả hai.

7. Tội tấn công để ăn cắp tài sản của người khác, bị phạt tù 2 năm hoặc phạt tiền hoặc bị đánh bằng roi hoặc cả hai.

8. Tội gây thương tích cho người khác:

- Tội gây thương tích cho người khác, không phải bằng vũ khí (dao, gậy), bị phạt tù 7 năm và phạt tiền.

- Tội gây thương tích cho người khác, bằng vũ khí hoặc vật dụng nguy hiểm, bị phạt tù 20 năm hoặc phạt tiền hoặc đánh bằng roi.

- Tội gây thương tích cho người khác, gây ra chấn thương nghiêm trọng đối với người đang thi hành công vụ, bị phạt tù 10 năm và phạt tiền.

9. Tội đe dọa, sát hại, hoặc gây chấn thương đối với người khác, bị phạt tù 14 năm hoặc phạt tiền hoặc đánh bằng roi.

10. Tội giết người, bị tử hình.

11. Tội phá hoại tài sản công cộng:

- Tội phá hoại tài sản với trị giá tài sản bị thiệt hại là 20RM trở lên, bị phạt tù 2 năm hoặc phạt tiền hoặc cả hai.

- Tội làm tài sản bị cháy, bị nổ với tổng tài sản bị thiệt hại là 50RM trở lên, bị phạt tù 7 năm và phạt tiền .

12. Tội trộm cắp, bị phạt tù 7 năm hoặc phạt tiền hoặc cả hai.

13. Tội tổ chức cờ bạc hoặc trực tiếp tham gia chơi cờ bạc, bị phạt tù 06 tháng hoặc phạt tiền 5000 RM hoặc cả hai.

14. Tội dính dáng đến ma túy như: vận chuyển, bán, tàng trữ ma túy, bị tử hình.

15. Tội hành động quấy rối tình dục, hiếp dâm, cưỡng hiếp phụ nữ hoặc phụ nữ dưới 16 tuổi, bị phạt tù trên 5 năm hoặc không quá 20 năm và bị đánh không quá 20 gậy.

16. Tội trêu ghẹo hoặc có hành động xúc phạm đến phẩm giá của người phụ nữ, bị phạt tù dưới 5 năm hoặc phạt tiền hoặc cả hai.

17. Tội có hành động căm dỗ hoặc chiếm đoạt hoặc giam cầm người phụ nữ đã có chồng với mục đích cưỡng hiếp, bị phạt tù 2 năm hoặc phạt tiền hoặc cả hai.

18. Tội đi ngược lại với quy luật tự nhiên:

- Tội có hành động đồng tính luyến ái tại nơi công cộng bị phạt tù 20 năm và bị đánh bằng roi.

- Tội có hành động đồng tính luyến ái tại nơi công cộng nhưng không cố ý, bị phạt tù 5 năm hoặc không quá 20 năm và bị đánh bằng roi.

19. Tội mang hoặc tàng chứa vũ khí, bị phạt tù 2 năm hoặc phạt tiền hoặc cả hai.

20. Tội bao che, dấu giếm tội cho người khác, bị phạt tù 6 tháng hoặc phạt tiền hoặc cả hai.

21. Tội cư trú bất hợp pháp: Những lao động bỏ trốn sẽ bị coi là cư trú bất hợp pháp, bị phạt tù 5 năm hoặc phạt tiền 10.000 RM.

Phần bốn

Nội dung cơ bản hợp đồng ký giữa doanh nghiệp với người lao động

Hợp đồng cung ứng lao động phải phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật tiếp nhận người lao động và có nội dung cơ bản sau đây:

- Tên, địa chỉ, số điện thoại của doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc tại Malaysia; người đại diện của doanh nghiệp ký hợp đồng với người lao động.

- Họ và tên người lao động, số hộ chiếu.
- Thời hạn hợp đồng.
- Nghề nghiệp hoặc công việc phải làm.
- Địa điểm làm việc.
- Điều kiện, môi trường làm việc.
- Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi.
- Tiền lương, tiền công, các chế độ khác và tiền thưởng (nếu có); tiền làm thêm giờ.
- Điều kiện ăn, ở, sinh hoạt.
- Chế độ khám bệnh, chữa bệnh.
- Chế độ bảo hiểm xã hội.
- Điều kiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và trách nhiệm bồi thường thiệt hại.
- Trách nhiệm trả chi phí giao thông từ Việt Nam đến nơi làm việc và ngược lại.
- Tiền môi giới (nếu có).

- Trách nhiệm của các bên khi người lao động bị chết trong thời gian làm việc ở nước ngoài.
- Giải quyết tranh chấp.
- Trách nhiệm giúp đỡ người lao động gửi tiền về nước.
- Thời gian thử việc (nếu có).
- Số ngày nghỉ lễ, nghỉ phép thường niên, nghỉ ốm hoặc nằm viện.
- Kỳ thanh toán lương.
- Điều kiện về chuyển chuyên lao động.
- Tiền lãi hàng năm cho người lao động (nếu có).
- Các phúc lợi khác.

Phần năm

Các khoản chi phí, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động đi làm việc tại Malaysia

1. Các khoản chi phí của người lao động

a. Nộp cho doanh nghiệp XKLD các khoản phí

Người lao động khi được doanh nghiệp XKLD tuyển chọn và ký hợp đồng đi làm việc tại Malaysia sẽ phải nộp trực tiếp cho doanh nghiệp các khoản phí sau:

- ***Tiền môi giới***

Hiện tại mức phí này được thỏa thuận như sau:

- Đối với hợp đồng lao động nam là 350 USD/người/hợp đồng 03 năm

- Đối với hợp đồng lao động nữ là 300 USD/người/hợp đồng 03 năm.

Khoản phí môi giới nói trên là khoản thu hộ cho công ty môi giới Malaysia và phải được ghi rõ trong hợp đồng ký giữa công ty môi giới phía Malaysia và doanh nghiệp XKLD và cả trong hợp đồng giữa doanh nghiệp XKLD với người lao động).

Trường hợp người lao động phải về nước trước thời hạn vì lý do bất khả kháng (thiên tai, chiến tranh, doanh nghiệp bị phá sản...) hoặc không phải do lỗi người lao động, thì doanh nghiệp XKLD có trách nhiệm yêu cầu phía công ty môi giới hoàn trả lại một phần phí môi giới nói trên cho người lao động theo nguyên tắc: người lao động làm việc chưa đủ 50% thời gian theo hợp đồng thì được nhận lại 50% tiền môi giới đã nộp. Người lao động đã làm việc từ 50% thời gian theo hợp đồng trở lên thì không được nhận lại tiền môi giới. Trường hợp không thể đòi được của bên môi giới Malaysia thì doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn trả cho người lao động theo nguyên tắc trên.

- Phí dịch vụ xuất khẩu lao động

Mức trần nộp là 01 tháng lương cơ bản theo hợp đồng cho 01 năm làm việc.

+ Doanh nghiệp sẽ thoả thuận với người lao động thu một lần trước khi đi hay nhiều lần trong quá trình thực hiện hợp đồng (kể cả thời gian gia hạn hợp đồng, theo số tháng thực tế thực hiện hợp đồng).

+ Trường hợp người lao động vi phạm hợp đồng, vi phạm pháp luật phải về nước trước thời hạn (bỏ trốn, đánh nhau, trộm cắp, đình công..) hoặc tự ý bỏ hợp đồng thì doanh nghiệp vẫn được thu phí dịch vụ theo thời hạn hợp đồng đã ký.

- Phí sát hạch chất lượng và cấp chứng chỉ theo quy định của phía Malaysia

Khoản phí này được quy định bởi phía Malaysia, mức phí do doanh nghiệp XKLD thoả thuận cụ thể với cơ quan liên kết đào tạo và sát hạch phía Malaysia, nhưng không vượt quá 20USD /1lao động: Người lao động nộp cho doanh nghiệp XKLD để doanh nghiệp chuyên trả cho cơ quan liên kết đào tạo và sát hạch phía Malaysia.

- Phí bảo hiểm xã hội Việt Nam (nếu có)

- Tiền đặt cọc (nếu có)

Đối với thị trường Malaysia hoặc một số đối tượng lao động xét thấy không cần thiết phải đặt cọc thì doanh

nh nghiệp không thu tiền đặt cọc của người lao động.

- Phí làm thủ tục Visa nhập cảnh Malaysia

Mức quy định hiện hành là 6 USD /1người.

- Tiền vé máy bay

1 lượt từ Việt Nam đến Malaysia (bao gồm cả lệ phí sân bay).

Ghi chú: Khi nộp các khoản tiền nói trên cho doanh nghiệp người lao động cần yêu cầu doanh nghiệp giao đầy đủ biên lai thu từng khoản phí theo quy định của pháp luật.

b. Tự chịu một số khoản chi phí khác

- Chi phí làm hồ sơ và thủ tục đi làm việc ở Malaysia (nộp tại các cơ quan nhà nước có liên quan đến xác nhận hồ sơ theo quy định của pháp luật).

- Chi phí kiểm tra sức khỏe (nộp tại bệnh viện theo mức quy định của Bộ Y tế).

Ngoài các khoản chi phí trên, người lao động có thể phải nộp khoản tiền ký quỹ hoặc thân nhân phải bảo lãnh để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng.

c. Nộp thuế thu nhập theo quy định của luật pháp Malaysia

- Đối với lao động làm việc trong lĩnh vực trồng trọt hoặc giúp việc gia đình thì mức là 360RM/người/năm;

- Đối với lao động làm việc trong các lĩnh vực sản xuất chế tạo, xây dựng thì mức là 1.200RM/người/năm

- Đối với lao động làm việc trong lĩnh vực dịch vụ là 1.800RM/người/ năm.

2. Nghĩa vụ chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và Malaysia

- Phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật Malaysia (Luật Nhập cư, Luật Lao động, Luật đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động, Luật Hình sự);

- Tôn trọng phong tục tập quán và có quan hệ tốt với nhân dân Malaysia;

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của cơ quan đại diện Nhà nước Việt Nam (Đại sứ quán) ở Malaysia về quản lý công dân ở nước ngoài.

- Phải bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp xuất khẩu lao động hay bị xử phạt do vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật (Ví dụ: tự ý phá vỡ hợp đồng bỏ trốn khỏi nơi làm việc hoặc tổ chức cho người khác trốn và bỏ hợp đồng).

3. Trách nhiệm của người lao động Việt Nam khi đi làm việc ở Malaysia

Người lao động, ngoài việc phải đáp ứng yêu cầu về tay nghề theo yêu cầu của chủ sử dụng còn

phải đảm bảo cho mình những tiêu chuẩn về sức khoẻ theo điều kiện sau đây:

- Người lao động nước ngoài muốn sang làm việc tại Malaysia phải khám sức khoẻ theo hướng dẫn của doanh nghiệp XKLD tại các cơ sở y tế được Chính phủ Malaysia công nhận; và lấy giấy chứng nhận đủ sức khoẻ đi làm việc ở Malaysia (xem danh sách các bệnh viện được Bộ Y tế Việt Nam giới thiệu tham gia khám sức khoẻ cho lao động đi làm việc ở nước ngoài, được in ở phụ lục cuối cuốn tài liệu này);

- Phải đảm bảo khai báo chính xác và trung thực về lịch sử bệnh tật (nếu có) và sức khoẻ của bản thân; giấy chứng nhận sức khoẻ do bệnh viện nói trên khám và cấp chỉ có giá trị hợp lệ trong thời hạn không quá 03 tháng kể từ ngày bác sỹ khám và ký cấp chứng nhận. Trong thời hạn còn giá trị, giấy chứng nhận sức khoẻ cần được nộp cho cơ quan có thẩm quyền phía Malaysia để xem xét điều kiện cấp visa tạm thời nhập cảnh. Khi nhập cảnh Malaysia trong vòng 1 tháng, người lao động sẽ phải trải qua cuộc kiểm tra y tế (sức khoẻ) nếu như kết quả kiểm tra không đạt, người lao động không được cấp giấy phép làm việc mà sẽ bị đưa về nước. Vì vậy mặc dù đã được bệnh viện cấp giấy chứng nhận đủ sức khoẻ làm việc tại Malaysia thì trong suốt thời gian chờ xuất cảnh người lao động vẫn phải chú ý giữ gìn sức khoẻ của bản thân.

- Trong quá trình học giáo dục định hướng và trước khi ký “Hợp đồng đi làm việc ở Malaysia” với

doanh nghiệp và hợp đồng với chủ sử dụng phía Malaysia, người lao động phải nghiên cứu kỹ nội dung của hợp đồng để nắm chắc và hiểu đúng, đầy đủ về các điều khoản thuận về quyền lợi (tiền lương, thưởng, trợ cấp công việc, điều kiện làm việc và sinh hoạt, chỗ ở...), nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân được thể hiện trong hợp đồng để tránh tình trạng thắc mắc, khiếu kiện hoặc đòi hỏi không đúng gây khó khăn và phiền hà cho chủ sử dụng hoặc cho doanh nghiệp XKLD và các cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện.

Phần sáu
**luật về an toàn và sức khỏe
lao động của Malaysia**

Nguyên tắc chung của pháp luật Malaysia đối với vấn đề an toàn và sức khỏe lao động là: Người sử dụng lao động có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để giúp người lao động bảo đảm an toàn và sức khỏe lao động khi làm việc. Người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp thông tin và hướng dẫn, huấn luyện người lao động duy trì an toàn và sức khỏe lao động.

Văn bản pháp luật quy định về vấn đề an toàn và sức khỏe lao động tại Malaysia là Luật An toàn và sức khỏe nghề nghiệp 1994 (viết tắt là OSHA). Phạm vi áp dụng của Luật này bao gồm tất cả các ngành nghề trong nền kinh tế quốc dân, kể cả dịch vụ công.

Luật OSHA và các văn bản hướng dẫn luật quy định người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp

và duy trì nơi làm việc, môi trường làm việc, hệ thống và chương trình làm việc an toàn cho người lao động.

Người sử dụng lao động cũng có trách nhiệm cung cấp các thông tin, hướng dẫn, huấn luyện và giám sát người lao động làm việc an toàn, tránh những rủi ro cho người lao động.

I. Một số quy định của Luật An toàn và sức khoẻ nghề nghiệp 1994

Cơ quan quản lý và giám sát việc thực thi Luật OSHA 1994 là Cục An toàn và sức khoẻ nghề nghiệp (DOSH) trực thuộc Bộ Nguồn Nhân lực Malaysia.

1. Những nghĩa vụ cơ bản của chủ sử dụng lao động

- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm đảm bảo một cách khả thi các điều kiện về an toàn, sức khoẻ và phúc lợi cho người lao động khi làm việc, bao gồm:

+ Cung cấp và duy trì hệ thống, chương trình làm việc an toàn và loại trừ rủi ro đối với người lao động;

+ Đảm bảo các công đoạn của sản xuất như đóng gói, lưu trữ, chuyên chở hàng hoá ... an toàn và loại trừ rủi ro đối với người lao động;

+ Cung cấp những thông tin, hướng dẫn, đào tạo và giám sát cho người lao động để đảm bảo an toàn và sức khoẻ cho người lao động tại nơi làm việc;

+ Đảm bảo nơi làm việc, môi trường quanh nơi làm việc, công ra vào ... an toàn và có đầy đủ các trang thiết bị cần thiết.

- Trường hợp không thực hiện nghĩa vụ đã nêu trên, chủ sử dụng lao động sẽ bị coi là vi phạm pháp luật và có thể bị phạt tiền tối đa 50.000 RM hoặc bị phạt tù tối đa 2 năm hoặc phải chịu cả hai hình phạt trên.

- Chủ sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp nơi gần nhất về bất kỳ tai nạn lao động nào xảy ra tại nơi làm việc của doanh nghiệp mình.

Theo quy định của Luật OSHA 1994, trong một số ngành nghề đặc biệt (do Bộ nguồn Nhân lực Malaysia quy định), chủ sử dụng bắt buộc phải tuyển và sử dụng chuyên viên về an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc hoạt động chuyên trách nhằm đảm bảo việc thực thi Luật OSHA cũng như giúp cho việc nâng cao ý thức của người lao động đối với vấn đề an toàn tại nơi làm việc.

- Chuyên viên phụ trách về an toàn và sức khỏe lao động phải có chứng chỉ do Bộ Nguồn Nhân lực cấp. Danh sách những ngành nghề đặc biệt nêu trên cũng như danh sách những chuyên viên được cấp chứng chỉ về an toàn và sức khỏe lao động sẽ được đăng định kỳ trên nhật báo Gazette.

2. Những nghĩa vụ cơ bản của người lao động

Sau đây là những nguyên tắc chủ yếu mà người lao động cần ghi nhớ khi làm việc:

- Luôn đặt trang thiết bị, dụng cụ tại nơi an toàn;
- Đảm bảo máy móc phải được che chắn, bảo vệ cẩn thận;
- Tắt công tắc điện sau khi sử dụng;
- Không để hệ thống điện bị quá tải;
- Sử dụng dụng cụ đúng công việc;
- Lau chùi dầu mỡ, nước bị tràn, chảy ngay lập tức;
- Đeo, mặc trang thiết bị bảo hộ lao động đúng phương pháp;
- Không ăn uống, hút thuốc tại nơi làm việc;
- Không để bản thân bị phân tán khỏi công việc bởi âm nhạc hay trò chuyện phiếm;
- Lập bản danh mục kiểm tra các vấn đề liên quan đến công việc và thực hiện nó trước khi bắt đầu công việc;
- Kiểm tra thang, gác trước khi sử dụng;
- Kiểm tra và đeo dây bảo hộ an toàn khi làm việc ở trên cao.

3. Trách nhiệm của người lao động trong việc phòng ngừa tai nạn lao động

- Luôn có ý thức thận trọng khi làm việc để đảm bảo sự an toàn cho bản thân và những người khác xung quanh;

- Có thái độ hợp tác với chủ sử dụng lao động và những cá nhân có thẩm quyền trong việc thực thi những quy định của pháp luật về an toàn và sức khỏe lao động;

- Sử dụng quần áo, trang thiết bị bảo hộ lao động do chủ sử dụng lao động cung cấp trong suốt thời gian làm việc để ngăn ngừa tai nạn và đảm bảo sức khỏe cho bản thân;

- Tuân thủ những hướng dẫn và những biện pháp bảo đảm an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật.

Nếu người lao động không thực hiện nghĩa vụ đã nêu ở trên thì sẽ bị coi là vi phạm pháp luật và có thể bị phạt tiền tối đa 1000 RM hoặc bị phạt tù tối đa 3 tháng hoặc phải chịu cả hai hình phạt trên.

4. Trách nhiệm của chủ sử dụng lao động

Chủ sử dụng lao động không được sa thải, chuyển chuyển hoặc cắt giảm quyền lợi của người lao động trong những trường hợp sau đây:

- Người lao động khiếu nại về những vấn đề mà họ cho là không an toàn hoặc có thể gây rủi ro cho bản thân người lao động;

- Người lao động là thành viên của Ủy ban an toàn và sức khỏe lao động được thành lập theo quy định của Luật OSHA 1994;

- Người lao động tiến hành bất cứ hoạt động nào liên quan đến vấn đề an toàn và sức khỏe lao động với tư cách là thành viên của Ủy ban an toàn và sức khỏe lao động nói trên.

Nếu Chủ sử dụng lao động vi phạm những quy định trên sẽ bị coi là vi phạm pháp luật và có thể bị phạt tiền tối đa 10.000 RM hoặc bị phạt tù tối đa 1 năm hoặc phải chịu cả hai hình phạt trên.

II. Những quy định an toàn của Luật Thiết bị và Nhà máy 1967

Luật Thiết bị và Nhà máy 1967 được ban hành nhằm điều chỉnh những lĩnh vực liên quan đến an toàn, sức khỏe và phúc lợi lao động của người lao động làm việc trong các nhà máy, công xưởng, liên quan đến đăng ký và kiểm tra việc sử dụng các máy móc, thiết bị trong các nhà máy, công xưởng. Trong khuôn khổ tài liệu này chủ yếu nhấn mạnh đến những quy định của Luật liên quan đến an toàn, sức khỏe và phúc lợi lao động của người lao động làm việc trong các nhà máy, công xưởng tại Malaysia.

1. Những quy định chung

1. Nơi làm việc phải luôn được giữ trong tình trạng sạch sẽ, không có những mùi khó chịu từ cống, rãnh, nhà vệ sinh, ... gây khó chịu cho người lao động.

2. Chủ sử dụng lao động phải sử dụng các thiết bị thích hợp như quạt thông gió, điều hoà,... để nơi làm việc luôn ở trong tình trạng thông thoáng, loại bỏ khí độc gây hại cho sức khỏe người lao động.

3. Chủ sử dụng lao động phải sử dụng các thiết bị thích hợp để đảm bảo cho nhiệt độ tại nơi làm việc luôn ở mức phù hợp, không quá nóng hoặc quá lạnh để có thể ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

4. Nơi làm việc phải có độ sáng đủ tiêu chuẩn (ánh sáng tự nhiên hoặc nhân tạo).

5. Nơi làm việc phải có đủ nhà và thiết bị vệ sinh sạch sẽ để người lao động sử dụng.

6. Tại những nơi người lao động phải làm việc trong điều kiện ẩm ướt, bụi bẩn, nóng nực, ồn ào, hoặc có nguy cơ bị nhiễm độc ... Luật quy định người lao động phải sử dụng những trang thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp như găng tay, quần áo, mũ bảo hộ....

7. Nơi làm việc phải có phòng thay quần áo cho người lao động.

8. Nơi làm việc phải được trang bị bình nước uống đủ và hợp vệ sinh phục vụ nhu cầu của người lao động. Ngoài ra phải có khu vực riêng với trang thiết bị phù hợp cho người lao động rửa tay.

2. Trách nhiệm của người lao động

- Không được phá hoại hoặc sử dụng sai mục đích những máy móc, vật dụng tại nơi làm việc;

- Sử dụng máy móc, vật dụng theo đúng quy trình kỹ thuật;

- Không thực hiện những hành vi có thể gây nguy hiểm cho bản thân;

- Không được coi thường, xem nhẹ các biện pháp bảo đảm an toàn.

3. Những trang thiết bị bảo hộ cá nhân

- Người lao động khi làm việc phải được bảo vệ các bộ phận trọng yếu như đầu, mắt, tai, phổi, da và chân. Người lao động bắt buộc phải sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động cá nhân khi làm việc.

- Trang thiết bị bảo vệ đầu: Người lao động phải sử dụng các loại mũ bảo vệ đầu (VD: Mũ sắt) khi làm việc tại những khu vực mà người lao động có thể bị những chấn thương vùng đầu.

Trang thiết bị bảo vệ chân

Người lao động phải mang những trang thiết bị bảo vệ chân thích hợp khi làm việc tại những khu vực có thể gây ra chấn thương chân.

Trang thiết bị bảo vệ tai

Người lao động phải sử dụng trang thiết bị bảo vệ tai khi làm việc tại những khu vực có độ ồn quá cao.

Trang thiết bị bảo vệ mắt

Người lao động phải sử dụng trang thiết bị bảo vệ mắt hoặc mặt khi làm việc tại những khu vực có thể gây ra tổn thương mắt hoặc mặt.

Trang thiết bị bảo vệ tay

Người lao động phải sử dụng trang thiết bị bảo vệ tay thích hợp (ví dụ: găng) khi tiếp xúc với nguyên vật liệu độc hại có thể thấm qua da tay như axit, chất ăn da...

Trang thiết bị bảo vệ hô hấp

Người lao động phải sử dụng trang thiết bị bảo vệ hô hấp khi làm việc trong điều kiện nồng độ các chất ô nhiễm, có hại cho đường hô hấp quá cao.

Trang thiết bị chống ngã, rơi

Người lao động phải sử dụng trang thiết bị chống ngã, rơi như dây đai an toàn khi làm việc trên cao.

4. Trách nhiệm của người lao động về sử dụng các trang thiết bị bảo hộ các nhân

- Sử dụng khi cần thiết:
 - + Khi cảm thấy điều kiện làm việc không an toàn;

- + Khi người giám sát, đồng nghiệp nhắc nhở;
- + Khi có đèn, chuông báo hiệu.
- Chăm sóc và giữ gìn sạch sẽ;
- Sử dụng đúng cách;
- Báo cáo với người giám sát khi trang thiết bị bị hư hỏng hoặc cần sửa chữa, thay thế.

5. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

- Cung cấp trang thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động và đảm bảo chúng phù hợp với người lao động;
- Huấn luyện người lao động sử dụng đúng cách;
- Thay thế trang thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động nếu chúng bị hư hỏng.

Phần bảy

Cách ứng xử trong lao động và đời sống

1. Cách ứng xử và trình tự giải quyết những vấn đề phát sinh

* Trong quan hệ lao động với chủ sử dụng lao động:

- Phải có thái độ tôn trọng chủ sử dụng lao động, đặc biệt với giám đốc và những người quản lý nhà máy, người hướng dẫn và người lớn tuổi làm cùng;

- Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được có những hành vi, lời lẽ đe dọa chủ sử dụng (đã có trường hợp lao động bị bắt giam và xét xử vì đe dọa chủ sử dụng, mặc dù mới chỉ nói những lời lẽ đe dọa);

- Việc tạo mối quan hệ tốt, thân thiện với giám đốc và người quản lý rất có lợi cho người lao động trong làm việc và cuộc sống;

- Khi người lao động gặp vấn đề phát sinh (không được trả lương đúng thời hạn, cách tính lương không đúng, không có giờ làm thêm, khấu trừ lương không rõ ràng ... như quy định trong hợp đồng lao động), người lao động phải tuân thủ các trình tự sau:

+ Phản ánh những vấn đề thắc mắc với chủ sử dụng lao động, người có trách nhiệm trong nhà máy giải quyết các vấn đề phát sinh;

+ Phản ánh tình trạng trên với đại diện doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tại Việt Nam;

+ Trường hợp không có đại diện doanh nghiệp tại Malaysia, cử 1 người đại diện có thể nói tiếng

Malaysia, tiếng Anh hoặc tiếng Trung đề nghị Môi giới can thiệp;

+ Trường hợp cán bộ đại diện và môi giới đã can thiệp nhưng không có kết quả, cử 1 đại diện viết đơn tường trình toàn bộ sự việc (trong đơn cần nêu rõ tên, số điện thoại liên lạc của người lao động, tên nhà máy, địa chỉ, số điện thoại của nhà máy, tên doanh nghiệp Việt Nam...) và gửi fax đến Ban Quản lý lao động Việt Nam tại Malaysia theo số 03 - 2143 1404 (để fax đơn lên Ban Quản lý lao động có thể ra các cửa hàng, siêu thị hoặc bưu điện gần đó để thuê gửi fax). Cán bộ Ban sẽ liên hệ với người lao động có tên trên đơn để nắm và giải quyết tình hình vụ việc.

Chú ý, trong quá trình phản ánh những thắc mắc để được giải quyết, người lao động tuyệt đối không được thực hiện đình công nghỉ làm, hay có các hành vi phản ứng tiêu cực khác, phải tuân thủ các quy định của công ty cũng như luật pháp Malaysia.

Một số trường hợp lao động có thể gặp phải trong quan hệ với chủ sử dụng lao động:

- Khi sản xuất kinh doanh kém, hàng hoá sản phẩm ứ đọng không tiêu thụ được nên chủ sử dụng chậm trả lương lao động. Trong trường hợp này lao

động cần thông cảm với chủ sử dụng, tuy nhiên để đảm bảo tiền lương của mình, lao động có thể yêu cầu chủ sử dụng xác nhận vào bảng nợ lương để dễ dàng cho việc giải quyết tranh chấp sau này;

- Một số nhà máy thường có tình trạng ít việc vào thời điểm gần cuối năm hoặc đầu năm (trong thời gian Tết âm lịch), lao động không có việc làm, thu nhập thấp;

- Một số chủ sử dụng không thực hiện đúng điều khoản Hợp đồng lao động.

Gặp phải những vấn đề nêu trên lao động Việt Nam thường không kiểm chế được đã tự ý bỏ việc hoặc tổ chức đình công. Một số lao động tự ý mang theo hành lý kéo lên Ban QLLĐ, Đại sứ quán để đề nghị can thiệp. Những hành vi trên của lao động là vi phạm hợp đồng (nghỉ việc không có lý do từ 2 ngày trở lên), vi phạm pháp luật Malaysia. Chủ sử dụng lợi dụng tình trạng đó để báo cáo cảnh sát lao động trốn khỏi nhà máy, chấm dứt hợp đồng mà không phải bồi thường hoặc chịu trách nhiệm đối với người lao động.

** Địa chỉ liên hệ khi có vấn đề phát sinh:*

- Lao động trước khi đi phải nắm và ghi nhớ hoặc chép vào sổ tay số điện thoại của cán bộ đại diện

doanh nghiệp, công ty môi giới, chủ sử dụng lao động và cơ quan quản lý lao động thuộc Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia;

- Khi có vấn đề phát sinh phải liên hệ với cán bộ đại diện (nêu rõ họ tên, số hộ chiếu, ngày xuất cảnh, nơi làm việc); phải trình bày vấn đề phát sinh một cách khách quan, lịch sự. Trường hợp cán bộ đại diện không tích cực hỗ trợ giải quyết thì báo cáo Ban quản lý lao động thuộc Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia.

2. Cách ứng xử với người lao động cùng làm việc trong nhà máy

- Với người lao động Việt Nam:

+ Trong 1 nhà máy sẽ có những nhóm lao động đến làm việc trước, nhóm đến làm việc sau. Vì vậy, những lao động đến trước cần giúp đỡ những lao động mới sang làm quen với công việc, các thao tác vận hành máy móc cũng như những kỹ năng làm việc; ngôn ngữ và từ vựng cơ bản cần thiết trong công việc cũng như cách ứng xử trong cuộc sống hàng ngày (đi chợ, mua bán...). Lao động đến sau tuyệt đối không nghe lời dụ dỗ, tuyên truyền bỏ ra ngoài làm việc bất hợp pháp; không tụ tập đông người; không đánh bài, uống rượu, vì dễ phát sinh mâu thuẫn, đánh nhau ...Hiện nay, một

số người lao động trong các nhà máy thường rủ nhau chơi “họ”, một số lao động đã mất hết tiền tiết kiệm do không lấy được từ các lao động bỏ ra ngoài, bị đưa về nước trước thời hạn...;

+ Khi có vấn đề vướng mắc phát sinh trong quan hệ với những lao động khác cùng làm việc, cần bình tĩnh giải quyết báo cáo lại với chủ nhà máy, đại diện doanh nghiệp, Đại sứ quán, không nên tạo không khí căng thẳng dẫn đến xung đột nhằm tránh hậu quả nghiêm trọng;

+ Nghiêm cấm việc lôi kéo, hành hung các lao động khác nghỉ việc, đình công;

- Với người lao động nước ngoài và người bản địa: Trong làm việc và cuộc sống phải tôn trọng lối sống, văn hóa của người nước ngoài, không trêu ghẹo các tập tục của bạn; không nên có những cử chỉ, hành động báng bổ tín ngưỡng của bạn; ăn những món ăn mà bạn kiêng kỵ trước mặt bạn (thịt lợn, thịt chó...)

Phần tám

**Sử dụng các phương tiện giao thông đi lại,
mua bán, dụng cụ, thiết bị phục vụ sinh hoạt và
đời sống hàng ngày**

1. Cách sử dụng phương tiện giao thông đi lại

- Xe buýt: Là phương tiện rất phổ biến ở Malaysia, có thể dùng để di chuyển trong phạm vi 1 bang hoặc giữa các bang với nhau.

+ Trong phạm vi một bang: Nếu ít di chuyển có thể mua vé theo ngày, theo tuyến. Nếu thường xuyên phải di chuyển, nên mua loại thẻ “Touch and Go”. Đây là loại thẻ nạp tiền trước, khi lên tuyến xe nào sẽ tự động trừ tiền theo giá của tuyến xe đó;

+ Di chuyển giữa các bang: Để đi lại giữa các bang, người lao động phải đến các bến xe. Tại các bến xe sẽ có thông tin về các hãng xe buýt. Hiện tại ở Malaysia có rất nhiều hãng xe buýt để người lao động có thể lựa chọn như Transnational, Konsorsium... Mỗi hãng xe sẽ có các quầy giao dịch. Người lao động muốn đi đến bang nào chỉ cần đến các quầy giao dịch đó, kiểm tra giờ xuất phát và mua vé. Sau khi mua vé, người lao động cần hỏi về giờ và bục đỗ nơi xe xuất phát (Platform Number) ngay tại quầy giao dịch hoặc quầy thông tin của hãng xe đó;

- Tàu điện và tàu trên không (monorail): Hệ thống tàu điện nội bộ và tàu trên không của Malaysia cũng chưa phát triển, chủ yếu tập trung tại Thủ đô

Kuala Lumpur. Người lao động có thể đi lại từ địa phương này sang địa phương khác bằng hệ thống tàu điện Liên Bang. Nhưng hệ thống này cũng không thuận tiện vì mất nhiều thời gian hơn so với đi xe buýt.

- Taxi: đây là phương tiện vận chuyển thuận tiện trong Bang, nhưng thường ít được sử dụng hơn xe buýt và tàu vì chi phí cao.

2. Dụng cụ, thiết bị sinh hoạt hàng ngày

Khi người lao động mới sang làm việc trong nhà máy, Chủ sử dụng sẽ cung cấp ban đầu cho người lao động một số dụng cụ sinh hoạt cần thiết: giường, bếp và bình ga, xoong nồi, một số dụng cụ khác... người lao động có trách nhiệm sử dụng và bảo quản những đồ dùng trên cũng như các tài sản khác như thiết bị điện trong ký túc xá: đèn điện, dây điện, công tắc...

+ Đối với bếp ga và bình ga: người lao động phải chú ý tắt và đóng bếp ga sau khi sử dụng tránh lãng phí và rò rỉ khí ga dễ gây cháy nổ, không tháo kẹp ở ống dẫn ga, tháo nắp và van an toàn ở bình ga;

+ Đối với các thiết bị điện: khi không sử dụng phải chú ý tắt công tắc, tắt nguồn tránh lãng phí. Khi các đồ điện bị hỏng hoặc cầu dao điện bị ngắt phải báo ngay cho người quản lý ký túc xá hoặc cán bộ phụ trách

nhân sự của nhà máy, không tự sửa chữa. Tránh tình trạng tự sửa chữa có thể gây thiệt hại tính mạng bản thân hoặc người khác;

+ Điện thoại công cộng: tại Malaysia có các trạm điện thoại công cộng, người sử dụng dịch vụ bỏ xu vào và có thể gọi trong thời gian hiện trên máy. Trong thời gian gọi người sử dụng có thể bỏ thêm xu vào để kéo dài thời gian cuộc gọi. Tiền xu các loại thường được chấp nhận là loại: 50, 20, 10 cent.

3. Hệ thống thương mại, ngân hàng

Sau khi chủ sử dụng hoàn tất các thủ tục về nhập cảnh (khám sức khoẻ, làm giấy phép lao động, thẻ cư trú...), người lao động sẽ được mở 1 tài khoản tại một ngân hàng (thường có chi nhánh gần nơi người lao động làm việc hoặc sinh sống) và làm một thẻ rút tiền tự động (ATM card). Sau khi đã được chủ sử dụng trả lương vào tài khoản, người lao động có thể dùng thẻ này để rút tiền. Lưu ý, khi cấp thẻ, ngân hàng sẽ cung cấp mã số bí mật (PIN) của thẻ đó. Người lao động nên đổi số PIN đó sang một số riêng của mình (phải nhớ số PIN đã đổi) và cần giữ bí mật về số PIN đã đổi đó, không nhờ người khác dùng số PIN đó để rút tiền hộ. Người lao động có thể trực tiếp sử dụng tài khoản đó để

gửi tiền về cho người thân tại Việt Nam hoặc có thể rút tiền ra và gửi qua các tổ chức tài chính khác như Weston Union để gửi về Việt Nam. Hạn chế tối đa việc gửi trao tay vì dễ dẫn đến tình trạng bị mất.

4. Mua bán tại các chợ, siêu thị

- Chợ: Một số nơi có các chợ truyền thống như ở Việt Nam nên việc mua bán không khó khăn. Đặc biệt, ở mỗi vùng mỗi tuần đều tổ chức chợ đêm, người lao động nên tranh thủ thời gian rảnh rỗi để đi đến những chợ này do giá cả tại chợ đêm rất hợp lý.

-Siêu thị: Tại các siêu thị, hàng hoá được bày bán thành từng khu vực, người lao động cần mua mặt hàng gì sẽ tự chọn hoặc có thể hỏi người phục vụ tại siêu thị đó để được chỉ dẫn. Có thể dùng các làn để đựng đồ mua. Trong trường hợp mua nhiều đồ, các siêu thị đều có xe đẩy. Để sử dụng xe đẩy, người lao động cần cho tiền xu (20 hoặc 50 cent) vào xe để lấy xe ra. Khi đã dùng xong, cần đẩy xe về đúng nơi quy định, xếp xe vào dãy, móc khoá và lấy tiền xu ra. Sau khi mua xong, cần xếp hàng thanh toán tại các quầy thanh toán, không chen lấn, xô đẩy. Khi lấy hàng ở tầng nào thì thanh toán tại quầy thu ngân (cashier) của tầng đó. Tất cả các siêu thị đều được trang bị hệ thống camera

giám sát rất hiện đại, toàn bộ các hành vi của khách hàng đều được ghi lại. Do đó, không thể có tình trạng gian lận xảy ra.

5. Những điều lao động cần chú ý

- Theo thông báo của cảnh sát và tòa án nhiều lao động Việt nam bị bắt do ăn cắp đồ trong siêu thị và các cửa hàng. Thường trong các cửa hàng, siêu thị có hệ thống máy ghi hình, hệ thống cảnh báo khi khách hàng mang hàng hóa ra khỏi cửa hàng mà không thanh toán. Và luật pháp Malaysia thường xử nghiêm những trường hợp này, người bị bắt sẽ bị giam giữ tối thiểu là 3- 4 tháng sau đó bị trục xuất đưa về nước.

- Một số lao động mới sang được lao động cũ đưa đi cửa hàng giao cho hàng hoá nhưng không trả tiền (nếu trót lọt thì lao động cũ lấy đồ, nếu bị bắt thì lao động mới phải chịu trách nhiệm).

Phần chín

Những vấn đề cần chủ động phòng ngừa trong thời gian sống và làm việc ở Malaysia

1. Người lao động cần nêu cao ý thức chấp hành pháp luật, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong lao động công nghiệp

- Có ý thức rèn luyện nếp sống, sinh hoạt của cộng đồng người Việt Nam, phát huy truyền thống văn hoá dân tộc;

- Chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của Việt Nam và của Malaysia;

- Nghiêm chỉnh thực hiện các thoả thuận trong “Hợp đồng đi làm việc ở Malaysia” đã ký với doanh nghiệp XKLD Việt Nam và “Hợp đồng lao động” đã ký với chủ sử dụng lao động ở Malaysia;

- Triệt để tôn trọng phong tục tập quán của người Malaysia và phong tục tập quán của những người lao động nước ngoài khác cùng làm việc tại Malaysia, không chê bai, phi báng gây mất đoàn kết với người dân nước sở tại và các bạn đồng nghiệp;

- Tranh thủ học hỏi về tay nghề của lao động nước ngoài, tập trung tư tưởng để làm việc tốt, gây thiện cảm với chủ sử dụng lao động;

- Không đi chơi nhiều sẽ tốn kém và không an toàn. Luôn mang theo người các giấy tờ tùy thân hợp pháp, tôn trọng luật lệ giao thông; tuyệt đối không tham gia đánh nhau, không cãi lại chủ (sử dụng lao động);

- Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cùng bạn bè đồng nghiệp, đồng hương, cần phải chú ý nhường

nhịn nhau, không phát ngôn bừa bãi. Phải luôn có ý thức tự giác giữ gìn vệ sinh chung và vệ sinh cá nhân (không tắm quá khuya, dễ gây đột tử); nếu bị ốm đau phải xin phép chủ đi khám, nếu muốn nghỉ làm việc thì phải báo cáo với chủ sử dụng trung thực và chính xác về lý do xin nghỉ, chỉ khi nào chủ đồng ý mới được nghỉ;

- Tuyệt đối không trêu ghẹo phụ nữ hoặc lấy cấp hàng siêu thị hoặc vi phạm phong tục tập quán của Đạo Hồi (nếu vi phạm sẽ bị phạt tù). Không ăn hoặc ngủ trong giờ làm việc;

- Pháp luật Malaysia không cho phép sản xuất (nấu), buôn bán rượu, người lao động chỉ được phép uống rượu, bia trong những dịp lễ, tết khi không có mặt người hồi giáo;

- Cần phát huy ý thức cộng đồng dân tộc, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc và trong cuộc sống, tuyệt đối không đánh nhau;

- Xây dựng và duy trì quan hệ tốt với lao động nước khác, lao động nước sở tại cùng nhà máy và nhân dân nơi cư trú. Khi có hiềm khích, bất đồng không tự giải quyết được thì phải báo cáo với ban Giám đốc hoặc cảnh sát địa phương hoặc cán bộ quản lý của doanh nghiệp xuất khẩu lao động. Tuyệt đối không đánh nhau, gây hậu quả xấu dẫn đến việc bị trục xuất về nước hoặc phạt tù;

- Trộm cắp là việc làm xa lạ với người hồi giáo, tuyệt đối không lấy trộm nguyên vật liệu, sản phẩm của chủ đem bán, không lấy tài sản của người địa phương và lấy cắp tài sản của nhau. Trường hợp bị điều tra bắt giữ vì tội trộm cắp sẽ bị xử tù và đánh roi mây theo Luật Hồi giáo;

- Không sa vào các tệ nạn xã hội (cờ bạc, nghiện hút, mại dâm...).

- Những trường hợp vi phạm sau đây sẽ bị buộc phải về nước:

+ Làm việc không đạt yêu cầu, khi chủ sử dụng lao động giao cho.

+ Vi phạm pháp luật, vi phạm hợp đồng lao động.

+ Mang theo người thân, kết hôn, nữ lao động có thai trong thời gian đang thực hiện hợp đồng lao động.

+ Không đủ sức khỏe, ngoại ngữ yếu kém.

+ Làm việc không đúng với giấy phép lao động được cấp: (làm việc sai với địa điểm ghi trong giấy phép sai với tên chủ sử dụng được cấp phép, nhập lao động).

2. Những lưu ý đối với lao động Việt Nam

- Về tôn giáo

+ ở các nơi công cộng thường có nhà cầu nguyện cho người theo Đạo Hồi (nam riêng, nữ

riêng), không được phóng uế hoặc làm mất vệ sinh, phải thận trọng khi ăn uống ở nơi công cộng vào thời gian ăn kiêng (tháng Ramadan);

+ Không được gây mất trật tự hoặc làm náo động vào giờ cầu nguyện; khi đi thăm quan nhà thờ Hồi giáo phải ăn mặc nghiêm túc (quần dài, áo dài tay).

- Về phong tục tập quán:

+ Phụ nữ đạo hồi thường đội khăn, nên có thể dễ dàng phân biệt phụ nữ Đạo Hồi ở những nơi công cộng hoặc nơi làm việc. Nam thường chỉ đội mũ khi đi nhà thờ vào chiều thứ sáu hàng tuần;

+ Người Malaysia không ăn thịt các động vật nuôi làm cảnh hoặc để giữ nhà (chó, mèo), đặc biệt người Đạo Hồi không ăn thịt lợn. Do đó lao động không nấu hoặc ăn thịt chó mèo, đặc biệt không nấu hoặc ăn thịt lợn trước mặt hoặc ở khu có người Malaysia theo Đạo Hồi. Một số lao động Việt Nam thường bắt chó, mèo của người dân sống trong khu vực để giết thịt làm mất thiện cảm của người dân địa phương, đặc biệt đã có những trường hợp lao

động bị ngộ độc do ăn phải chó, mèo bị tiêm thuốc hoặc đánh bả;

+ Nhiều lao động do thiếu hiểu biết hoặc không đánh giá được mức độ nghiêm trọng đã trêu ghẹo, đùa giỡn, xâm hại tới phụ nữ (đặc biệt là phụ nữ Hồi giáo) đã bị cảnh sát địa phương bắt và bị kết án rất nặng theo luật lệ Đạo Hồi;

+ Người Malaysia rất kín đáo trong quan hệ nam nữ, do đó nam nữ không được có những hành vi thân mật quá mức nơi công cộng, đặc biệt là những nơi tôn nghiêm tín ngưỡng. Khi tắm phải chú ý không được tắm tròng ở nơi những người khác có thể dễ dàng nhìn thấy. Đã xảy ra trường hợp người lao động tắm ở nơi do chủ sử dụng bố trí nhưng những nhà bên cạnh có thể dễ dàng nhìn thấy, trường hợp này người lao động đã bị bắt giam và đưa ra xét xử vì tội xâm phạm tín ngưỡng.

Người lao động cần đề cao cảnh giác với Những thủ đoạn lừa đảo, trộm cướp, bạo lực

1. Bạo lực, nạn trộm cắp, cướp và giết người

- Nạn trộm cắp, giết người thường xảy ra ở các bến tàu xe, bến cảng (bến xe Pudu Raya và Kota Raya ở Kuala Lumpur, bến xe Butterworth ở Penang, khu vực cảng Klang ở Selangor...) Tội phạm chủ yếu là người Malaysia gốc ấn Độ (thường gọi là người ấn Độ).

- Lao động Việt Nam thường bị giật điện thoại di động, túi, mất cắp, bị cướp khi đi các phương tiện công cộng nơi đông người như bến xe, nhà ga hoặc nơi vắng người. Do đó chú ý không giữ nhiều tiền mặt, không mang những đồ dùng đắt tiền trong người; đặc biệt phải chú ý khi đi taxi vì một số lái xe thường trộm cướp tiền và những thứ đắt tiền của người lao động, thủ đoạn của các lái xe này là lợi dụng lao động Việt Nam không có ngoại ngữ, thiếu hiểu biết hoặc thấy lao động Việt Nam mang theo tiền mặt, tài sản có giá trị, nữ lao động có hình thức đẹp...đưa đến nơi vắng người, nơi có những kẻ đồng lõa, nói rằng có cảnh sát kiểm tra rồi thực hiện việc đánh đập, cướp tài sản và hãm hiếp (đối với lao động nữ). Chú ý khi đi taxi phải xem người lái xe, nếu đi vào ban đêm đến những

nơi vắng vẻ thì nên chọn người lái taxi là người Malaysia gốc Trung Quốc lớn tuổi.

- Gần đây thường có một số đối tượng theo dõi và gây ra một số vụ cướp, trộm cắp, trộm tiền từ trong tài khoản tại máy rút tiền tự động hoặc ngân hàng. Vì vậy khi đi chú ý phải đi thành nhóm 2-3 người trở lên, không đi rút tiền vào thời gian khuya, chỗ vắng người đi lại.

- Một số kẻ xấu sống bất hợp pháp lâu năm tại Malaysia thành lập băng nhóm chuyên đi hành hung, trộm cướp ở những nơi có lao động Việt Nam sinh sống vì vậy khi có người gọi cửa ban đêm cần hết sức cẩn thận.

2. Lừa đảo và lôi kéo

- Đã có một số lao động nhẹ dạ bị kẻ xấu lừa đảo bằng cách vay tiền của người lao động và hứa trả lãi suất cao sau đó kẻ xấu ôm tiền chạy trốn.

- Thời gian gần đây xuất hiện đường dây người Việt Nam tại Malaysia đưa người lao động

đang làm việc tại Malaysia sang nước thứ ba làm việc với mức lương cao và chi phí cũng rất cao (tới vài nghìn đô la Mỹ). Những lao động đang có công việc tốt, thu nhập cao là đối tượng mà đường dây này nhằm tới do những người có khả năng trang trải cho khoản chi phí để sang nước thứ ba.

- Một số lao động đã bỏ hợp đồng ra ngoài làm bất hợp pháp thường tìm đến những lao động tại các nhà máy có ít việc làm để lôi kéo số lao động này theo chúng bỏ nhà máy ra ngoài làm bất hợp pháp.

những ngôn ngữ và câu giao tiếp thông dụng ở Malaysia

Tiếng Bahasa Malaysia	Tiếng Anh	Tiếng Việt
Apa khabar	Hello	Xin chào
Selamat Pagi	Good morning	Chào buổi sáng
Selamat tengahhari	Good afternoon	Chào buổi chiều
Selamat petang		
Selamat malam	Good evening	Chào buổi tối

<p>Selamat datang ke Malaysia Welcome to Malaysia Xin đón chào bạn đến Malaysia</p>		
Selamat tinggal / Selamat jalan	Good bye	Tạm biệt ông bà
Apa khabar ?	How are you ?	Bạn có khoẻ không ?
Khabar baik	I am fine	Tôi khoẻ
<p>Kamukah berbahasa ingris ? Do you speak English ? Bạn có nói được tiếng Anh không ?</p>		
Ya	Yes	Có
Tidak	No	Không
Saya tidak faham	I don't understand	Tôi không hiểu
Terima Kasih / Sama sama	Thank you	Cảm ơn
Maafkan saya	Excuse me	Xin lỗi
Tolong !	Help	Hãy giúp đỡ
<p>Tolong bawa untuk saya menoo ! Please bring me the menu ! Hãy mang cho tôi thực đơn !</p>		
<p>Tolong bawa untuk saya bill ! Please bring me the bill ! Hãy mang cho tôi hoá đơn thanh toán!</p>		

**Một số địa chỉ cần thiết cho người
lao động đi làm việc tại Malaysia**

**1. Địa chỉ liên hệ tại Malaysia để làm thủ
tục xuất cảnh Malaysia**

✘ Cục di dân của Malaysia

Tel: 00603. 2539181 . Fax: 00603. 2562340 .

Webside : [http:// www. imi, gov. my](http://www.imi.gov.my)

**2. Địa chỉ các cơ quản lý người lao động
Việt Nam tại Malaysia**

✘ Đại sứ quán Việt nam tại Malaysia

No. 4 Persiaran, Stonor-50450, Kuala Lumpur,

Tel: 00603.21484036 ; 00603. 21483270

Fax: 00603.21483270

**✘ Ban quản lý lao động và chuyên gia của Việt Nam
tại Malaysia**

Tel: 00603. 21448634; 00603. 21441302

00603. 21443423 ; 00603. 21443930

Fax: 0603. 21431404

3. Số điện thoại khẩn cấp

- Cảnh sát, Cấp cứu dùng chung một số: 999
- Cứu hỏa: 994

Đối với người sử dụng điện thoại di động: 112

4. Địa chỉ cơ quan nhà nước của Việt Nam quản lý về hoạt động xuất khẩu lao động

✘ Cục Quản lý lao động ngoài nước (Phòng Quản lý lao động ngoài nước)

No. 41B Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà nội,

Tel : (84. 4) 38249517

Fax : (84.4) 3 8240122

- Ngoài ra người lao động có thể liên hệ theo địa chỉ với các Doanh nghiệp XKLD tại Việt Nam hoặc người đại diện của Doanh nghiệp XKLD tại Malaysia.

cách gọi điện thoại tại Malaysia

- Bưu điện của Malaysia mở cửa từ 8 giờ đến 17 giờ hàng ngày, trừ ngày chủ nhật và ngày lễ. Riêng bang Kedah, Kelantan, Terengganu nghỉ ngày thứ sáu và ngày lễ.

- Các trạm điện thoại công cộng chỉ phục vụ cho các cuộc đàm thoại trong nước Malaysia (có thể dùng tiền xu hoặc card điện thoại).

- Các trạm bưu điện chính Malaysia phục vụ cho cả các cuộc đàm thoại nước ngoài.

- Hệ thống điện thoại di động được phủ sóng khắp cả nước và có chuyên vùng quốc tế. Dịch vụ Internet dễ truy cập tại Malaysia.

- Khi liên lạc điện thoại trong cùng một vùng thì không cần sử dụng mã vùng, dưới đây là một số mã vùng của các vùng Malaysia:

+ **03** là của vùng : Kuala Lumpur (Thủ đô)

+ **04** là của vùng : Penang, Sungai Pentai

+ **05** là của vùng : Ipoh, Taiping

+ **06** là của vùng : Melaka, Sereman

+ **07** là của vùng : Johoh Bharu

+ **09** là của vùng: Kota Bharu, KualaTerengganu, Kuantan

+ **082** là của vùng: Kuching

+ **088** là của vùng: Kota Kinabalu

6- Thời gian làm việc của các Cơ quan ở Malaysia

- Giờ ở Malaysia chậm hơn 01 giờ so với giờ Hà Nội.

- Thời gian làm việc của các cơ quan nhà nước ở khu vực KualaLumpur

+ Từ thứ hai đến thứ sáu: Từ 7^h.30' đến 16^h.45'

+ Thứ bảy: Từ 7h.30' đến 13h.15'

+ Chủ nhật: nghỉ

- Riêng bang Kedah và Terengganu

- + Thứ bảy đến thứ tư : Từ 8^h.00' đến 16^h.45'
- + Thứ năm: Từ 8h30' đến 12h15'
- + Thứ sáu: nghỉ

- Riêng bang Kelantan

- + Chủ nhật đến thứ năm: Từ 8^h 00' đến 16^h 45'
- + Thứ sáu và thứ bảy: nghỉ

- Thời gian làm việc của khu vực tư nhân (cho tất cả các bang)

- + Thứ hai đến thứ sáu: Từ 9h 30' đến 16h 00'
- + Thứ bảy: Từ 9h 00' đến 13h 00'
- + Chủ nhật: nghỉ

Tên và địa chỉ liên lạc của các sở lao động địa phương ở Malaysia

(Người lao động cần biết để khi cần có thể liên lạc đề nghị các cơ quan này giúp đỡ giải quyết các vướng mắc hoặc tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động)

Số t.t	Tên và địa chỉ	Số điện thoại, số Fax
01	Jabatan Tenaga Kerja Negeri W/P Kuala Lumpur Tingkat 9 Menara Perkeso 281 Jalan Ampang 50532 Kuala Lumpur	Tel: 03-42576767 T/Kerjia: 03-2579111

		Fax: 03-42581501
02	Jabatan Tenaga Kerja Negeri Kedah/ Perlis Tingkat 3, Wisma Parsekutuan Jalan Kampug Baru 05532 Alor Setar Kedah.	Tel: 04-7300700 T/Kerja: 04-7319111 Fax: 04-7301952
03	Pejabat Tenaga Kerjia Kangar Tingkat 1, Bangunan Tun Abd Razak 01000 Kangar Perlis	Tel: 04-0771928 T/Kerjia: 04-0779111 Fax: 04-7301952
04	Pajabat Tenaga Kerja Langkawi Tingkat 1, Kompleks LADA Persiaran Putra 07007 Langkawi Kedah	Tel: 04 - 0667173 T/Kerja: 04 - 0669111 Fax: 04-0667175
05	Pejabat Tenaga Kerji Kulim JKR 769 Jalan Pondok Labu 09000 Kulim Kedah	Tel: 04 - 4909093 T/Kerja: 04 -

		4909111 Fax: 04 - 4913052
06	Pejabat Tenaga Kerja Sungai Petani JKR 80 Jalan Sungai Petani 08000 Sungai Petani Kedah	Tel: 04 - 4211944 T/Kerja: 04 - 4239111 Fax: 04 - 4238442
07	Penolong Pengarah Tenaga Kerja Kanan Pejabat Tenaga Kerja Bangi No. 709 Tkt. Bawah 1 & 2 Diamond Kompleks 43650 Bandar Baru Bangi Selangor Darul Ehsan	Tel: 03- 89251000 T/Kerja: 03- 9259111 Fax: 03- 89252768 T/Terus: 89202267
08	Jabatan Tenaga kerja Negeri Selangor Lot B 210 & c 208 Tingkat 2 East Wing Wisma Cosplant No. 7, Jalan SS 16A, Sugang Jaya Selangor	Tel: 03 - 56384535 T/Kerja: 03- 56329111 Fax: 03- 56328259

09	Pejabat Tenaga Kerja Rawang No. 1A Jalan Setia Rawang 1 KM 25 Jalan Ipoh 48000 Rawang Selangor	Tel: 03- 50916533 T/Kerja: 03- 50929111 Fax : 03- 50922144
10	Pejabat Tenaga Kerja Pelabuhan Khang Jalan Watson 42000 Pelabuhan Khang Selanoer	Tel: 03- 31686582 T/Kerja: 03- 31689111 Fax: 03- 31651410
11	Jabatan Tenaga Kerja Negeri Pulau Pinang Tingkat 2, Bangunan Tuanku Syed Putra 10300 Pulau Pinang	Tel: 04 - 2625536 T/Kerja: 04 - 2639111 Fax: 04 - 2638605
12	Pejabat Tenaga Kerja Butterworth Bangunan Jabatan Buruh Jalan Bagan Luar 12000 Butterworth Pulau Pinang	Tel: 04- 3313751 T/Kerji: 03 - 3239111 Fax: 04 - 3232534

13	Jabatan Tenaga Kerja Negeri Perak No.2A3, 2A4&2C1 Tingkat 2 Biok A Bangunan Gunasama Persakutuan Ipoh (Greentown) 30430 Ipoh	Tel: 05 - 2549405 T/Kerja: 05 - 2549111 Fax: 05 - 2554031
14	Pejabat Tenaga Kerja Taiping Tingkat 3 Wisma Persekutuan Taiping Jalan Istana Larut 34009 Taiping Perak	Tel: 05 - 8072655 T/Kerja: 05 - 8079111 Fax: 05 - 8072555
15	Pejabat Tenaga Kerja Kuata Kangsar No. 70 - D, Jalan Dato' Sagor 33000 Kuala Kangsar Perak	Tel: 05 - 7763255 T/Kerja: 05 - 7769111 Fax: 05 - 7771578
16	Jabatan Tenaga Kerja Daerah Gerik Tkt. Bawah, Bangunan Perekutuan Gerik 33300 Gerak perak	Tel: 05 - 7912213/ 7915430 Fax: 05 - 7917980

17	Pejabat Tenaga Kerja Tapah Jalan kelab 35000 Tapah Perak	Tel: 05 - 4011509 T/Kerja: 05 - 4017111 Fax: 05 - 4015820
18	Pejabat Tenaga Kerja Teluk Intan Tingkat 1, Blok B Bangunan Persekkutuan, Jln. Changkat Jong 36000 Teluk Intan Perak	Tel: 05 - 5221199 T/Kerja: 05 - 5229111 Fax: 05 - 5231052
19	Pejabat Tenaga Kerja Sitiawan Tingkat 1, Bangunan Persekutuan Sri Manjung, Jalan Kayu Manis 32040 Sitiawan Perak	Tel: 05 - 5888643 T/Kerja: 05 - 5889111 Fax: 05 - 5887643
20	Jabalan Tenaga Kerja Negeri Sembilan Tingkat 3, Kompleks Pejabat- Pejabat Kerajaan Persekutuan 70990 seremban Negeri Sembilan	Tel: 06 - 1632459 T/Kerja; 06 - 7249111 Fax: 06 - 7616316

21	Pejabat Tenaga Kerja Kuala Pilah 564 Tingkat 2. Wisma Kuala Pilah Jalan Seremban 72009 Kuala Pilah Negeri Sembilan	Tel: 06- 4811166 T/Kerja: 06- 4819111 Fax: 06- 4815476
22	Jabatan Tenaga Kerja Negeri Johor Tingkat 3, Blok A, Wisma Persekutuan Jalan Air Molek, Peti Surat 721 80000 Johor Bahu Johor	Tel: 07- 2275081 Fax: 07- 2232303
23	Pejabat Tenaga Kerja Johor Bahru Tingkat 9 & 10 Memara Ansar Jalan Trus 80000 Johor Bahru Johor	Tel: 07 - 2243189 T/Kerja: 07 - 2229111 Fax: 07 - 2227717
24	Pejabat Tenaga Kerja Kluang Jalan Pejabat Kerjaan, Peti Surat 62 86000 Klung Johor	Tel: 07 - 7721646 T/Kerja: 07 - 7737111 Fax: 07 - 7718646

25	Pejabat Tenaga Kerja Segamat No. 856 jalan Gudang Ubat 85000 Segamat Johor	Tel: 07 - 9317237 T/Kerja: 07 - 9329111 Fax: 07 - 9320161
26	Pejabat Tenaga Kerja Balu Pahat Aras 1, Bangunan Gunasama Persekutuan Jalan Bakau Condong 83000 Batu Pahat Johor	Tel: 07- 4342595 T/Kerja: 07- 4315595 Fax: 07- 4335595
27	Pejabat Tenaga Kerja Muar Jalan Othman 84000 Muar Johor	Tel: 07- 9511672 T/Kerja: 07- 9519111 Fax; 07- 9320106
28	Jabatan Tenaga Kerja Negeri Melaka Tingkat 3, Blok A. Wisma Persekutuan Jalan Hang Tuah Peti Surat 67 75300 Melaka	Tel: 06- 2824651 T/Kerja: 06- 2829111 Fax: 07- 2825434

29	Jabatan Tenaga Kerja Negeri Pahang Tingkat 2, Bangunan Persekutuan Jalan Gambut 25532 Kuantan Pahang	Tel: 09 - 5163144 T/Kerja: 09 - 5119111 Fax: 09 - 5165606
30	Pejabat Tenaga Kerja Bentong Jalan Tras 28700 Bentong Pahang	Tel: 09 - 2221402 T/Kerja: 09 - 2228111 Fax: 09 - 2231027
31	Pejabat Tenaga Kerja Raub Tkt. 2. Bangunan Gunasama Perekutuan Janlan Tengku Abd Samad Bukit Koman 27600 Raub Pahang	Tel: 09 - 3551166 T/Kerja: 09 - 3559111 Fax: 09 - 2558707
32	Pejabat Tenaga Kerja Temerloh No, C -303. Tingkata 2 Janlan Kuantan 28000 Temerloh Pahang	Tel: 09 - 2961207 T/Kerja: 09 - 2969111 Fax: 09 - 2961015

33	Jabatan Tenaga Kerja Negeri Trengganu Janlan Air Jemih 20300 Kuala Trengganu Trengganu	Tel: 09 - 5229781 T/Kerja: 09 - 5239111 Fax: 09 - 5239659
34	Pejabat Tenaga Kerja Kemaman Tingkat 2, Bangunan Persekutuan Janlan Melur 24000 Kemaman Trengganu	Tel: 09 - 3591831 T/Kerja: 09 3598111 Fax: 09 - 3591866
35	Pejabat Tenaga Kerja Dungun JKR 488 Janlan Pejabat 23000 Dungun Trengganu	Tel: 09 - 3441844 T/Kerja: 09 - 3458111 Fax: 09 - 3452022
36	Jabatan Tenaga Kerja Negeri Kelantan Tingkat 11, Bangunan Persekutuan Janlan Bayam 15200 Kota Bharu Kelantan	Tel: 09 - 7485078 T/Kerja: 09 - 7479111 Fax: 09- 7474506

37	Pejabat Tenaga Kerja Kuala Krai Tingkat 3, Bangunan Persekutuan 18000 Kuala Krai Kelantan	Tel: 09 - 9666381 T/Kerja: 09 - 9669111 Fax: 09 - 9666381
38	Pejabat Tenaga Kerja W/P. Labuan Tingkat 6, Blok 4 Kompleks Ujana Kewangan Janlan Merdeka 87007 W/P. Labuan	Tel: 087 - 412753 T/Kerja: 087 - 429111 Fax: 087 - 422529

tài liệu tham khảo

Tình hình nhập cư lao động nước ngoài vào Malaysia

Malaysia là nước có nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài lớn, tập trung chính ở hai vùng phía Đông Malaysia là: Sabah và Sarawak. Chính phủ cho phép người sử dụng lao động được tuyển lao động, nhưng không quá 30 % số lao động trong đơn vị. Lao động nước ngoài chỉ làm việc trên cơ sở hợp đồng, thời hạn tối đa từ 2 đến 7 năm.

Lao động nước ngoài tập trung làm việc chủ yếu ở vùng Penusular, đặc biệt ở vùng thành thị và các khu công nghiệp ở thung lũng Klang. Thủ đô Kuala Lumpur, trung tâm công nghiệp, thương mại và hành

chính là mục tiêu chủ yếu của lao động nhập cư. Số lao động nước ngoài ở đây chiếm gần 70% tổng số lao động nước ngoài trên toàn lãnh thổ Malaysia. Bang Sabah cũng vậy, ở một vài huyện trong bang như bờ biển phía Đông, số lượng lao động nước ngoài vượt qua cả số dân địa phương. Riêng bang Sarawak, số lượng lao động nhập cư tương đối thấp;

Hiện tại Malaysia đang phải đối phó với sự thiếu hụt lao động trong một số lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực trồng trọt, sản xuất, chế tạo và xây dựng;

Chính phủ Malaysia chỉ cho phép nhận lao động của các nước là Indônêsi-a, Thái Lan, Philíppin, Bangladesh, Pakistan và Việt Nam. Bắt đầu từ giữa năm 2003 lao động của các quốc gia khác cũng được phép nhập cư trên cơ sở lựa chọn tùy theo yêu cầu của công việc;

Tình hình sử dụng lao động nước ngoài trong các lĩnh vực kinh tế thay đổi trong hơn thập kỷ qua. Năm 1993, số lượng lao động nước ngoài lớn nhất là trong lĩnh vực trồng trọt (37,6%), tiếp theo là xây dựng (34,6%) và dịch vụ gia đình (20,1%). Năm 1998, số lượng lao động nước ngoài làm việc trong lĩnh vực sản xuất (29,2%) là lớn nhất, tiếp theo là đồn điền (22,3%) và xây dựng (21,6%). Đồng thời, sự tham gia của lao động nước ngoài trong khu vực dịch vụ tăng gấp 10 lần, nhưng trong dịch vụ gia đình lại giảm một cách đáng kể. Sự thay đổi này phản ánh sự phát triển của một số lĩnh vực và chính sách chuyển hướng của Chính

phủ đối với lao động nước ngoài. Chính phủ cho phép người sử dụng lao động được tuyển lao động nước ngoài, nhưng số lượng không quá 30% tổng số lực lượng lao động trong đơn vị;

Hiện nay, nhiều lao động nữ nước ngoài làm việc trong lĩnh vực sản xuất. Lao động nước ngoài làm việc ở Malaysia thường dựa trên hai yếu tố: trước tiên là sự khác nhau về đào tạo giữa lao động ở các nước khác nhau; thứ hai là phương thức tuyển dụng thông qua hệ thống lao động đang tồn tại trong xã hội. Nói chung, người Indonesia học văn thấp, làm việc trong lĩnh vực trồng trọt và xây dựng; người Bangladesh làm việc trong lĩnh vực sản xuất và chế tạo. Số lượng lao động Thái Lan tương đối ít và chủ yếu làm việc trong lĩnh vực xây dựng và trồng trọt. Người Philippin ở phía Tây Malaysia chủ yếu là lao động nữ tham gia vào công việc dịch vụ gia đình, một số ít làm việc trong lĩnh vực sản xuất, còn một số ở vùng Sabah làm việc ở lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp;

Cùng với sự phục hồi kinh tế vào cuối năm 1999, tỷ lệ thất nghiệp ở Malaysia đã giảm từ 3,2% xuống 3%; hiện nay vấn đề chính không phải là không có việc làm mà là sự mất cân đối giữa lực lượng lao động hiện có và việc làm. Tháng 9/1999, số việc làm đã vượt trội số lượng người đăng ký tìm việc làm mới. Phần lớn các công việc được ưa thích là công việc văn phòng, số người đăng ký cao gấp gần 6 lần số việc làm còn trống. Công việc ít người thích nhất là lĩnh vực nông nghiệp, chỉ có 19 người đăng ký so với hơn 2.224

chỗ việc làm. Trong lĩnh vực sản xuất, số lượng việc làm gấp 2 lần số người đăng ký. Sự mất cân đối này là đặc điểm cố hữu của thị trường Malaysia. Để giải quyết trước mắt sự thiếu hụt lao động này, Chính phủ cho phép nhập khẩu lao động nước ngoài trong lĩnh vực trồng trọt và sản xuất. Về lâu dài, Chính phủ hy vọng khuyến khích các ngành công nghiệp cơ khí hoá nhằm làm giảm nhu cầu lao động. Để chuẩn bị cho vấn đề này, Chính phủ đã tiến hành các bước nhằm tăng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, quản lý, kỹ thuật, có tay nghề. Biện pháp trước mắt là thực hiện mục tiêu thu hút kiều dân Malaysia nhằm đào tạo lao động địa phương trong thời gian họ làm việc tại Malaysia.

Danh sách các bệnh viện Việt nam được Bộ Y tế giới thiệu khám sức khoẻ cho lao động đi làm việc ở nước ngoài

(danh sách kèm theo công văn số 372 & 500/ QLLĐNN-QLLĐ ngày 05/4 và 05/5 năm 2005 của Cục Quản lý lao động ngoài nước)

A. 17 bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế hoặc các bệnh viện thuộc các bộ ngành ngoài công lập:

1. Bệnh viện Bạch Mai – Hà Nội
2. Bệnh viện E – Hà Nội
3. Bệnh viện Bưu điện – Hà Nội
4. Bệnh viện Giao thông vận tải 1 – Hà Nội
5. Bệnh viện Đa khoa tư nhân Tràng An.
6. Trung tâm Y tế Dệt may – Hà Nội
7. Trung tâm Y tế Xây dựng – Hà Nội
8. Bệnh viện Thống Nhất TP Hồ Chí Minh
9. Bệnh viện Chợ Rẫy – TP Hồ Chí Minh
10. Bệnh viện TW Huế
11. Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên.
12. Bệnh viện Nông nghiệp.
13. Bệnh viện 30-4.
14. Bệnh viện Bưu điện II.
15. Bệnh viện Hữu nghị Hà Nội.
16. Bệnh viên 19-8, Bộ Công an.
17. Bệnh viên 354, Bộ Quốc phòng

B. 58 bệnh viện trực thuộc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1. Bệnh viện đa khoa Thanh Nhàn, Hà Nội.
2. Bệnh viện đa khoa Saint Paul Hà Nội
3. Bệnh viện Việt Tiệp TP Hải Phòng
4. Bệnh viện Kiến An TP Hải Phòng
5. Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình
6. Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định
7. Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình
8. Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam
9. Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình
10. Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương
11. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh
12. Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh
13. Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang
14. Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tây
15. Bệnh viện đa khoa khu vực Sơn Tây – Hà Tây
16. Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc
17. Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ
18. Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Nguyên
19. Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái
20. Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn
21. Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang
22. Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hoá
23. Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An
24. Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh

25. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị
 26. Bệnh viện Đà Nẵng
 27. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi
 28. Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định
 29. Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hoà
 30. Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận
 31. Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai
 32. Bệnh viện Nhân dân Gia Định, TP Hồ Chí Minh
 33. Bệnh viện Nhân dân 115, TP Hồ Chí Minh
 34. Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, TP Hồ Chí Minh
- Minh
35. Bệnh viện Nguyễn Trãi, TP Hồ Chí Minh
 36. Bệnh viện An Bình, TP Hồ Chí Minh
 37. Bệnh viện đa khoa Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh
 38. Bệnh viện cấp cứu Trung Vương, TP HC.Minh
 39. Bệnh viện đa khoa Cần Thơ
 40. Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh An Giang
 41. Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang
 42. Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh
 43. Bệnh viện đa khoa tỉnh Bến Tre
 44. Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng.
 45. Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La.
 46. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam.
 47. Bệnh viện Hồng Ngọc.
 48. Bệnh viện Đa khoa tư nhân Thăng Long.
 49. Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ.

50. Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên.
51. Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp.
52. Bệnh viện Đồng Đa.
53. Bệnh viện Bắc Thăng Long.
54. Bệnh viện Đức Giang.
55. Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng
56. Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM.
57. Bệnh viện đa khoa Đắc Lắc.
58. Bệnh viện đa khoa Hợp lực tỉnh Thanh Hoá.

Mục lục

Tên các phần, mục	Trang
Lời giới thiệu	
<i>Phần một</i> : Truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc	
<i>Phần hai</i> : Đất nước, con người, văn hoá phong tục, tập quán, Malaysia.	
<i>Phần ba</i> : Nội dung cơ bản hợp về luật lao động, luật tuyển dụng lao động nước ngoài, luật nhập cư và luật hình sự của Malaysia.	
<i>Phần bốn</i> : Nội dung cơ bản hợp đồng ký giữa doanh nghiệp với người lao động.	
<i>Phần năm</i> : Các khoản cho phí, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động đi làm việc tại Malaysia	
<i>Phần sáu</i> : Luật về an toàn và sức khoẻ lao động của Malaysia.	
<i>Phần bảy</i> : Cách ứng xử trong lao động và đời sống.	
<i>Phần tám</i> : Sử dụng các phương tiện giao thông đi lại, mua bán, dụng cụ, thiết bị phục vụ sinh hoạt và đời sống hàng ngày	
<i>Phần chín</i> : Những vấn đề cần chủ động phòng ngừa trong thời gian sống và làm việc ở Malaysia	
Tài liệu tham khảo: (Danh sách các bệnh viện được Bộ y tế Việt Nam giới thiệu khám sức khoẻ cho lao động đi làm việc ở nước ngoài)	

**Tài liệu giáo dục định hướng
(Dùng trong các khoá đào tạo- giáo dục định hướng cho
lao động Việt Nam trước khi đi làm việc ở Malaysia)**

----- ✘ -----

Chỉ đạo biên soạn và phát hành :

Cục quản lý lao động ngoài nước
(Dolab)

Tổ chức biên soạn:

Phòng đào tạo

Biên tập:

Ts Hoàng Kim ngọc
Nguyễn tiến san

Các cá nhân, các cơ sở Đào tạo-Giáo dục định hướng liên hệ mua
tại:

Cục Quản lý lao động ngoài nước
Địa chỉ : 41B Lý Thái Tổ , Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (04) 38249517